



'Câu hỏi trắc nghiệm GDQP HP1

GDQP (Đại học Tôn Đức Thắng)

BÀI 1 (16 Câu)

“TRỪ CÂU 1 RA THÌ TẤT CẢ CÁC CÂU CÒN LẠI ĐÁP ÁN ĐÚNG ĐỀU LÀ “A” NHA MÀY ĐÚA:>>>”

Câu 1. Nội dung giáo dục QPAN Học phần I là những vấn đề cơ bản về đường lối:

- A. Quân sự của Đảng
- B. Cách mạng của Đảng
- C. Quốc phòng, an ninh của Đảng**
- D. Chiến lược quân sự của Đảng

Câu 2. Một trong những điều kiện để sinh viên được dự thi kết thúc học phần là có đủ:

- A. 80% thời gian học tập trên lớp
- B. 75% thời gian học tập trên lớp
- C. 90% thời gian học tập trên lớp
- D. 70% thời gian học tập trên lớp

Câu 3. Nội dung giáo dục QPAN Học phần II là những vấn đề cơ bản về công tác:

- A. Quốc phòng, an ninh
- B. Phòng thủ quốc gia
- C. Xây dựng nền quốc phòng
- D. Xây dựng nền an ninh

Câu 4. Nội dung giáo dục QPAN Học phần III là những vấn đề cơ bản về:

- A. Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK
- B. Các môn kỹ thuật, chiến thuật, học thuật quốc phòng, an ninh
- C. Chiến thuật, kỹ thuật chiến đấu và đội hình, đội ngũ đơn vị
- D. Các môn chung về quân sự, an ninh và bắn súng tiểu liên AK

Câu 5. Chứng chỉ giáo dục QPAN là một trong những điều kiện để:

- A. Xét tốt nghiệp cao đẳng, đại học
- B. Tính điểm trung bình các môn học
- C. Xét cấp học bổng cho sinh viên
- D. Xếp loại học lực của sinh viên

Câu 6. Một trong những điều kiện để sinh viên được dự thi kết thúc học phần là:

- A. Có điểm các lần kiểm tra đạt từ 5 điểm trở lên
- B. Có đầy đủ điểm của các lần kiểm tra
- C. Có đủ 70% thời gian học tập trên lớp
- D. Có đủ trên 50% thời gian học tập trên lớp

Câu 7. Đối tượng được miễn học môn học giáo dục QPAN là học sinh, sinh viên:

- A. Có bằng tốt nghiệp sỹ quan quân đội, công an
- B. Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự
- C. Bị ốm đau, tai nạn đang điều trị tại bệnh viện
- D. Thuộc lực lượng dân quân tự vệ thường trực

Câu 8. Phương pháp được sử dụng để nghiên cứu giáo dục quốc phòng- an ninh:

- A. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết
- B. Phương pháp nghiên cứu tổng hợp
- C. Phương pháp nghiên cứu thực tế
- D. Phương pháp nghiên cứu giả thuyết

Câu 9. Đối tượng được tạm hoãn môn học giáo dục QPAN là học sinh, sinh viên:

- A. Bị ốm đau, tai nạn, thai sản
- B. Thuộc dân quân cơ động của địa phương
- C. Thuộc lực lượng tự vệ của cơ quan
- D. Đã tham gia nghĩa vụ quân sự

Câu 10. Đối tượng được miễn học môn học giáo dục QPAN là học sinh, sinh viên:

- A. Người nước ngoài

- B. Đã tham gia dân quân tự vệ
- C. Bị ốm đau, tai nạn
- D. Đã tham gia nghĩa vụ quân sự

Câu 11. Các quan điểm của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiến hành chiến tranh nhân dân đều có tính kế thừa và phát triển những truyền thống:

- A. Quân sự độc đáo của dân tộc
- B. Dựng nước, giữ nước của ông cha
- C. Đoàn kết toàn dân đánh giặc
- D. Tinh thần yêu nước nồng nàn

Câu 12. Quá trình nghiên cứu, phát triển giáo dục QPAN, phải nắm vững và vận dụng các quan điểm:

- A. Quan điểm hệ thống; quan điểm lịch sử, lô gic; quan điểm thực tiễn
- B. Quan điểm tổng thể; quan điểm lịch sử, lô gic; quan điểm thực tế
- C. Quan điểm thống nhất; quan điểm lịch sử, cụ thể; quan điểm thực tiễn
- D. Quan điểm tổng quát; quan điểm lịch sử, lô gic; quan điểm thực hành

Câu 13. Đối tượng được miễn học thực hành kỹ năng quân sự là học sinh, sinh viên:

- A. Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự
- B. Bị ốm đau, tai nạn, thai sản
- C. Người nước ngoài học tại Việt Nam
- D. Đã hoàn thành nghĩa vụ dân quân

Câu 14. Cơ sở phương pháp luận chung nhất của việc nghiên cứu giáo dục QP, AN là:

- A. Học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh
- B. Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh
- C. Triết học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh
- D. Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng

Câu 15. Trong nghiên cứu lĩnh hội các kiến thức, kỹ năng QPAN cần sử dụng kết hợp phương pháp dạy học:

- A. Lý thuyết và thực hành
- B. Kỹ thuật và chiến thuật
- C. Lý luận và thực tiễn
- D. Học tập và rèn luyện

Câu 16. Cơ sở lý luận để Đảng ta đề ra chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền QPTD, xây dựng LLVTND và tiến hành chiến tranh BVTQ là học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về:

- A. Chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc
- B. Cách mạng và giải phóng dân tộc
- C. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp
- D. Đấu tranh giành và giữ chính quyền

BÀI 2 (67 Câu)

Câu 1. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, chiến tranh là một hiện tượng:

- A. Chính trị-xã hội
- B. Tự nhiên-xã hội
- C. Lịch sử-xã hội
- D. Lịch sử-tự nhiên

Câu 2. Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất:

- A. Giai cấp công nhân
- B. Của người nông dân
- C. Giai cấp công, nông
- D. Nhân dân lao động

Câu 3. Lênin xác định nguyên tắc đoàn kết quân dân trong xây dựng quân đội là:

- A. Đoàn kết thống nhất quân đội với nhân dân
- B. Gắn bó Hồng quân với nhân dân lao động
- C. Nhất trí quân dân với lực lượng tiến bộ thế giới
- D. Đoàn kết nhất trí nhân dân với quân đội

Câu 4. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chức năng của QĐND Việt Nam là:

- A. Đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất
- B. Đội quân công tác, đội quân chiến đấu và đội quân xây dựng
- C. Đội quân chiến đấu, đội quân sản xuất, đội quân tuyên truyền
- D. Đội quân xây dựng, đội quân công tác, đội quân an ninh trật tự

Câu 5. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định chiến tranh xuất hiện từ khi:

- A. Xuất hiện chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất
- B. Xuất hiện và tồn tại mâu thuẫn giữa các tập đoàn người
- C. Loài người xuất hiện mâu thuẫn trong quá trình sản xuất
- D. Thế giới xuất hiện các tôn giáo và mâu thuẫn trong xã hội

Câu 6. Bản chất giai cấp của quân đội theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin là bản chất của:

- A. Giai cấp, nhà nước đã tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng quân đội đó
- B. Giai cấp, nhà nước tổ chức, nuôi dưỡng và huấn luyện quân đội đó
- C. Nhân dân lao động và giai cấp đang lãnh đạo đối với quân đội đó
- D. Nhà nước, đảng phái đã sinh ra, nuôi dưỡng và sử dụng quân đội đó

Câu 7. Nguồn gốc sâu xa nảy sinh chiến tranh theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin là:

- A. Nguồn gốc kinh tế
- B. Nguồn gốc xã hội
- C. Nguồn gốc giai cấp
- D. Nguồn gốc chính trị

Câu 8. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, bảo vệ Tổ quốc XHCN:

- A. Một tất yếu khách quan
- B. Nhiệm vụ thường xuyên
- C. Cấp thiết trước mắt
- D. Nhiệm vụ khách quan

Câu 9. Nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của Lênin:

- A. Đảng cộng sản lãnh đạo Hồng quân tăng cường bản chất giai cấp công nhân
- B. Giữ vững quan điểm giai cấp công nhân trong xây dựng quân đội Xô viết
- C. Tính kỷ luật cao là yếu tố quyết định sức mạnh chiến đấu của Hồng quân

D. Quân đội chính quy, hiện đại, phải luôn trung thành với giai cấp lãnh đạo

Câu 10. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN là sự vận dụng sáng tạo Học thuyết Bảo vệ Tổ quốc XHCN của V.I. Lênin vào:

- A. Tình hình thực tiễn của cách mạng Việt Nam
- B. Điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam
- C. Hoàn cảnh thực tế của cách mạng Việt Nam
- D. Tình hình cụ thể của cách mạng Việt Nam

Câu 11. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng là:

- A. Nguồn gốc ra đời của quân đội
- B. Cơ sở sinh ra lực lượng vũ trang
- C. Nguồn gốc ra đời của chế độ xã hội
- D. Cơ sở hình thành nên sự thống trị

Câu 12. Căn cứ vào nguồn gốc nảy sinh chiến tranh của chủ nghĩa Mác-Lênin thì chiến tranh xuất hiện vào:

- A. Thời kỳ chiếm hữu nô lệ
- B. Thời kỳ tư bản chủ nghĩa
- C. Thời kỳ phong kiến
- D. Thời kỳ chủ nghĩa đế quốc

Câu 13. Nhân tố quyết định bản chất giai cấp của Quân đội nhân dân Việt Nam là:

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam
- B. Đường lối cách mạng Việt Nam
- C. Tư tưởng Hồ Chí Minh
- D. Chế độ XHCN

Câu 14. Vai trò lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN thuộc về:

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam
- B. Quần chúng nhân dân lao động
- C. Các đoàn thể, tổ chức chính trị
- D. Hệ thống chính trị trong xã hội

Câu 15. Tư tưởng Hồ Chí Minh xác định bảo vệ Tổ quốc XHCN là:

- A. Nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân
- B. Nghĩa vụ và vinh dự cao quý của công dân
- C. Trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi công dân
- D. Trách nhiệm và quyền lợi của mọi công dân

Câu 16. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là:

- A. Một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục
- B. Quân đội chính quy, cách mạng do Đảng lãnh đạo, giáo dục và chỉ huy
- C. Một đội quân chiến đấu kiên cường do Nhà nước quản lý, chỉ huy và giáo dục
- D. Quân đội nhân dân anh hùng kế thừa truyền thống bất khuất chống ngoại xâm

Câu 17. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho Quân đội nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và coi đó là:

- A. Cơ sở, nền tảng để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện
- B. Điều kiện cần thiết để xây dựng quân đội nhân dân cách mạng
- C. Cơ sở, nền tảng hình thành nên quân đội nhân dân anh hùng
- D. Yếu tố cần thiết để xây dựng quân đội vững mạnh mọi mặt

Câu 18. Chức năng cơ bản, thường xuyên của Quân đội ta là:

- A. Đội quân chiến đấu
- B. Đội quân lao động
- C. Đội quân công tác
- D. Đội quân huấn luyện

Câu 19. Khi nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát bằng hình ảnh:

- A. Con đĩa hai vôi
- B. Con rắn hút máu
- C. Con đĩa hút máu
- D. Con rắn hai đầu

Câu 20. Câu nói “Đi dân nhớ, ở dân thương”, được đúc kết từ thực tiễn của Quân đội ta trong thực hiện chức năng:

- A. Đội quân công tác
- B. Đội quân lao động
- C. Đội quân dân vận
- D. Đội quân tuyên truyền

Câu 21. Câu nói của Lênin “giành chính quyền đã khó, nhưng giữ được chính quyền còn khó khăn hơn” thể hiện quan điểm về:

- A. Bảo vệ Tổ quốc XHCN
- B. Xây dựng Tổ quốc XHCN
- C. Giữ gìn Tổ quốc XHCN
- D. Củng cố chính quyền Xô-viết

Câu 22. Chiến tranh là kết quả của những mối quan hệ giữa những tập đoàn người có lợi ích cơ bản đối lập nhau, được thể hiện dưới một hình thức đặc biệt, sử dụng một công cụ đặc biệt, đó là:

- A. Bạo lực vũ trang
- B. Lực lượng vũ trang
- C. Bạo lực tổng hợp
- D. Lực lượng quân sự

Câu 23. Nguồn gốc trực tiếp nảy sinh chiến tranh theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin là:

- A. Nguồn gốc xã hội
- B. Nguồn gốc giai cấp
- C. Nguồn gốc mâu thuẫn
- D. Nguồn gốc chính trị

Câu 24. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ tính chất xã hội của chiến tranh là:

- A. Chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa
- B. Chiến tranh đi ngược lại lịch sử phát triển của loài người
- C. Chiến tranh cách mạng và chiến tranh phản cách mạng
- D. Chiến tranh là hiện tượng lịch sử của xã hội loài người

Câu 25. Thái độ của chúng ta đối với chiến tranh là:

- A. Ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa
- B. Phản đối chiến tranh quân sự, ủng hộ chiến tranh giải phóng
- C. Ủng hộ chiến tranh chống áp bức, phản đối chiến tranh xâm lược
- D. Phản đối chiến tranh phản cách mạng, ủng hộ chiến tranh cách mạng

Câu 26. Tư tưởng Hồ Chí Minh xác định mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là:

- A. Độc lập dân tộc và CNXH

- B. Độc lập tự do, thống nhất đất nước
- C. Chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc
- D. Tự do độc lập và CNXH

Câu 27. Một trong những nhiệm vụ của Quân đội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định:

- A. Thiết thực tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng CNXH
- B. Tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước cho nhân dân
- C. Giúp đỡ nhân dân sản xuất, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc
- D. Làm nòng cốt phát triển kinh tế-xã hội cho địa phương nơi đóng quân

Câu 28. Hồ Chí Minh khẳng định mục đích cuộc chiến tranh của dân ta chống thực dân Pháp xâm lược là:

- A. Bảo vệ độc lập, chủ quyền và thống nhất đất nước
- B. Bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ, bảo vệ tổ quốc
- C. Bảo vệ đất nước và chống ách đô hộ của thực dân, đế quốc
- D. Bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, bảo vệ độc lập

Câu 29. Quân đội ta mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân đồng thời có:

- A. Tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc
- B. Tính quần chúng nhân dân sâu sắc
- C. Tính văn hóa dân tộc phong phú
- D. Tính truyền thống dân tộc phổ biến

Câu 30. Quan hệ của chiến tranh đối với chính trị:

- A. Chiến tranh là một bộ phận, một phương tiện của chính trị
- B. Chiến tranh là một phương tiện không lệ thuộc chính trị
- C. Chiến tranh là một bộ phận nằm ngoài chính trị
- D. Chiến tranh chi phối quá trình hoạt động của chính trị

Câu 31. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc XHCN theo tư tưởng Hồ Chí Minh là:

- A. Sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước, kết hợp với sức mạnh thời đại
- B. Sức mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân, sức mạnh an ninh nhân dân
- C. Sức mạnh của toàn dân, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt
- D. Sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước và sức mạnh quốc phòng toàn dân

Câu 32. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh nhất thiết phải sử dụng bạo lực cách mạng để:

- A. Giành chính quyền và giữ chính quyền
- B. Xóa bỏ chế độ cũ, xây dựng chế độ mới
- C. Trấn áp bọn phản động, xây dựng chế độ mới
- D. Lật đổ chế độ cũ, thành lập chế độ mới

Câu 33. Bản chất của chiến tranh theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin là:

- A. Sự tiếp tục của chính trị bằng biện pháp bạo lực
- B. Kế tục mục tiêu chính trị bằng nhiều thủ đoạn
- C. Thủ đoạn để đạt được mục tiêu chính trị
- D. Biện pháp bạo lực gắn liền với thủ đoạn chính trị

Câu 34. Một trong những nguyên tắc cơ bản xây dựng Quân đội kiểu mới của Lênin là:

- A. Xây dựng quân đội chính quy
- B. Xây dựng quân đội kỷ luật
- C. Xây dựng quân đội vững vàng
- D. Xây dựng quân đội chất lượng

Câu 35. Chủ nghĩa Mác-Lênin đã chứng minh một cách khoa học về nguồn gốc ra đời của quân đội,

vì vậy quân đội chỉ mất đi khi:

- A. Giai cấp, nhà nước và những điều kiện sinh ra nó tiêu vong
- B. Không còn đối kháng, không còn chiến tranh và nghèo đói
- C. Không còn nghèo đói, lạc hậu, áp bức, bóc lột bị tiêu vong
- D. Xã hội hoàn toàn dân chủ, không còn nhà nước thống trị

Câu 36. Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN:

- A. Mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc
- B. Là con đường giải phóng nhân dân thế giới
- C. Mang tính cách mạng sâu sắc, triệt để
- D. Là cơ sở để tiến hành chiến tranh giải phóng

Câu 37. Để có sức mạnh bảo vệ Tổ quốc XHCN, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng:

- A. Xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân hùng hậu
- C. Xây dựng trận địa quốc phòng toàn dân, an ninh toàn dân vững chắc
- D. Phát triển kinh tế với xây dựng và củng cố căn cứ địa vững chắc

Câu 38. Cơ sở để quân đội trung thành với nhà nước, giai cấp tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng nó là:

- A. Bản chất giai cấp của nhà nước
- B. Đường lối quan điểm chính trị
- C. Đường lối, quan điểm quân sự
- D. Bản chất chế độ kinh tế-xã hội

Câu 39. Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang cách mạng của:

- A. Giai cấp công nhân và quần chúng lao động Việt Nam
- B. Nhà nước nhân dân và giai cấp nông dân Việt Nam
- C. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân Việt Nam
- D. Nhà nước vô sản và nhân dân lao động Việt Nam

Câu 40. “Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và CNXH, là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân” là một trong những nội dung của:

- A. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- B. Nổi tiếp truyền thống anh hùng bất khuất chống giặc ngoại xâm của dân tộc
- C. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc và CNXH ở Việt Nam
- D. Truyền thống dân tộc trong đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước

Câu 41. “Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc...” đó là lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến:

- A. Chống thực dân Pháp xâm lược
- B. Chống quân Tưởng xâm lược
- C. Chống đế quốc Mỹ xâm lược
- D. Chống quân Pôn Pốt xâm lược

Câu 42. “Chiến tranh là một hiện tượng chính trị-xã hội” là một trong những nội dung của:

- A. Quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh
- B. Lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh
- C. Quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về quân sự
- D. Tư tưởng Ăng ghen về chiến tranh, quân đội

Câu 43. Lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước” đã thể hiện rõ:

- A. Tính tất yếu khách quan của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

- B. Tính khách quan, khoa học của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam
- C. Tính tất yếu không thể thay đổi của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam
- D. Tính khách quan, chủ quan của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Câu 44. Trong thời đại ngày nay, chiến tranh có những thay đổi về phương thức tác chiến, vũ khí trang bị nhưng chiến tranh vẫn là:

- A. Sự tiếp tục chính trị của các nhà nước và giai cấp nhất định
- B. Thực hiện âm mưu thôn tính các nước khác của các nước lớn
- C. Sự tiếp tục mục tiêu đối ngoại của nhà nước và giai cấp nhất định
- D. Tiếp tục thực hiện ý đồ xâm lược của giai cấp thống trị nhất định

Câu 45. Yếu tố quan trọng nhất để tạo nên sức mạnh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN:

- A. Đại đoàn kết toàn dân tộc
- B. Cả nước cùng chung sức
- C. Tất cả các dân tộc đoàn kết
- D. Cả nước cùng đồng lòng

Câu 46. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: chiến tranh có thể kéo dài:

- A. 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa
- B. 10 năm, 15 năm, 25 năm hoặc lâu hơn nữa
- C. 5 năm, 10 năm, 15 năm hoặc lâu hơn nữa
- D. 10 năm 20 năm, 30 năm hoặc lâu hơn nữa

Câu 47. Trong kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước ta, chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc, còn thực dân Pháp thì:

- A. Mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ
- B. Xâm lược nước ta, bóc lột, thống trị nhân dân ta
- C. Mong thôn tính nước ta, mong bắt ta làm nô lệ
- D. Thôn tính nước ta để bóc lột, vơ vét tài nguyên

Câu 48. Trong chế độ cộng sản nguyên thủy, đã xuất hiện những cuộc xung đột vũ trang nhưng không phải là những cuộc chiến tranh mà chỉ là một dạng:

- A. Lao động thời cổ
- B. Xung đột lao động
- C. Lao động nhất thời
- D. Xung đột sản xuất

Câu 49. Chức năng cơ bản của quân đội để quốc là phương tiện quân sự chủ yếu để đạt mục đích chính trị:

- A. Tiến hành chiến tranh xâm lược và duy trì quyền thống trị
- B. Thực hiện chiến tranh xâm lược và thống trị các nước khác
- C. Phát động chiến tranh xâm lược các nước, thống trị thế giới
- D. Tiến hành xâm lược, thôn tính các nước, làm bá chủ toàn cầu

Câu 50. Theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin, quân đội vẫn còn tồn tại chừng nào vẫn còn:

- A. Chế độ tư hữu, chế độ áp bức bóc lột
- B. Mâu thuẫn lợi ích của mọi người
- C. Chế độ thống trị của giai cấp bóc lột
- D. Tồn tại những bất công, nghèo đói

Câu 51. Bản chất giai cấp của quân đội theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở để quân đội:

- A. Trung thành với nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra nó

- B. Trở thành công cụ của giai cấp, nhà nước sinh ra nó
- C. Trung thành với giai cấp đã chăm lo nuôi dưỡng nó
- D. Chiến đấu vì mục đích của giai cấp nuôi dưỡng nó

Câu 52. Để thực hiện nguyên tắc lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, Đảng phải hướng dẫn, giám sát các đơn vị thực hiện:

- A. Công tác Đảng, công tác chính trị
- B. Giáo dục chính trị, tư tưởng, văn hóa
- C. Công tác Đảng, công tác tư tưởng
- D. Giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống

Câu 53. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN là Đảng Cộng sản Việt Nam:

- A. Lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- B. Chỉ huy sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- C. Kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân đứng lên bảo vệ Tổ quốc
- D. Chỉ đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

Câu 54. Theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin, bảo vệ Tổ quốc XHCN là phải tăng cường:

- A. Tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế xã hội
- B. Xây dựng quân đội gắn với phát triển kinh tế xã hội
- C. Thế trận quốc phòng gắn với các chính sách xã hội
- D. Xây dựng quân đội gắn với hợp tác kinh tế quốc tế

Câu 55. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định một trong những nguồn gốc xuất hiện và tồn tại của chiến tranh là sự xuất hiện và tồn tại:

- A. Của giai cấp và đối kháng giai cấp
- B. Của các tôn giáo và tín ngưỡng
- C. Mâu thuẫn của các tập đoàn người
- D. Mâu thuẫn giữa các dân tộc

Câu 56. Một trong những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về bảo vệ Tổ quốc XHCN là:

- A. Đảng cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN
- B. Nhân dân lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN
- C. Lực lượng vũ trang lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN
- D. Nhà nước lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

Câu 57. Quan hệ của chính trị đối với chiến tranh:

- A. Chính trị chi phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục của chiến tranh
- B. Chính trị chi phối toàn bộ quá trình và quyết định một thời đoạn của chiến tranh
- C. Chính trị là một bộ phận quyết định mục tiêu của toàn bộ cuộc chiến tranh
- D. Chính trị chi phối toàn bộ nhưng không làm gián đoạn quá trình chiến tranh

Câu 58. Hồ Chí Minh khẳng định sự ra đời của QĐND Việt Nam là một:

- A. Tất yếu có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam
- B. Hiện tượng ngẫu nhiên trong quá trình cách mạng, giải phóng dân tộc Việt Nam
- C. Sự kiện trong lịch sử chống giặc ngoại xâm dựng nước và giữ nước ở Việt Nam
- D. Hiện tượng tự phát do đòi hỏi cấp thiết của chiến tranh cách mạng ở Việt Nam

Câu 59. Nội dung thể hiện Tư tưởng Hồ Chí Minh về kháng chiến phải dựa vào sức mình là chính:

- A. Phải đem sức ta mà giải phóng cho ta, đồng thời phải hết sức tranh thủ sự đồng tình giúp đỡ của quốc tế
- B. Ta phải tự đứng lên kháng chiến với tất cả khả năng của dân tộc để mưu cầu tự do, hạnh phúc cho nhân dân

C. Kháng chiến là để giải phóng cho ta nên chúng ta phải tự làm lấy dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam

D. Cả nước đồng lòng, đứng lên để giành độc lập dân tộc, giải phóng nhân dân khỏi ách áp bức, bóc lột

Câu 60. Chiến tranh có thể làm thay đổi đường lối, chính sách, nhiệm vụ cụ thể, thậm chí có thể còn thay đổi cả thành phần lực lượng lãnh đạo chính trị trong các bên tham chiến, bởi vì:

- A. Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị, là kết quả phản ánh những cố gắng cao nhất của chính trị
- B. Chiến tranh quyết định chính trị, tác động mạnh mẽ làm thay đổi những vấn đề lớn của chính trị
- C. Chiến tranh chi phối đến sự phát triển của chính trị, tác động mạnh mẽ làm chính trị biến đổi
- D. Chiến tranh là cơ sở để chính trị luôn luôn tồn tại, thực hiện mục đích của mình và phát triển

Câu 61. Lời kêu gọi “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc ...hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc ...” của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện rõ tư tưởng:

- A. Chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân
- B. Chiến tranh chống thực dân Pháp là chiến tranh chính nghĩa cách mạng
- C. Chiến tranh tự vệ chính nghĩa chống xâm lược, giải phóng dân tộc
- D. Đoàn kết toàn thể đồng bào trong nước để tiến hành chiến tranh

Câu 62. “Quân đội tham gia vận động quần chúng nhân dân xây dựng cơ sở chính trị-xã hội vững mạnh; giúp nhân dân phòng chống thiên tai, giải quyết khó khăn trong sản xuất và đời sống; tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ và chấp hành đúng đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước” là thực hiện chức năng của:

- A. Đội quân công tác
- B. Đội quân dân vận
- C. Đội quân tuyên truyền
- D. Đội quân vận động

Câu 63. Quân đội nhân dân Việt Nam ra đời và trưởng thành luôn gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng, với các cuộc chiến tranh giải phóng và:

- A. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN
- B. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia
- C. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- D. Chủ quyền biên giới, biển đảo quốc gia

Câu 64. Để có được bản chất giai cấp công nhân, trải qua những năm tháng phục vụ trong quân đội cán bộ chiến sĩ không ngừng được rèn luyện, tu dưỡng, nâng cao giác ngộ cách mạng nên đã chuyển từ:

- A. Lập trường giai cấp xuất thân sang lập trường giai cấp công nhân
- B. Tinh thần yêu nước, yêu quê hương sang giác ngộ giai cấp công nhân
- C. Giác ngộ cách mạng lên giác ngộ ý thức vô sản của giai cấp công nhân
- D. Lập trường giai cấp xuất thân sang lập trường giai cấp cách mạng

Câu 65. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến:

- A. Giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị
- B. Chăm lo giáo dục tinh thần dân tộc, truyền thống vẻ vang của đất nước
- C. Giáo dục ý thức trách nhiệm, bản lĩnh chiến đấu kiên cường, bất khuất
- D. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giáo dục ý chí chiến đấu

Câu 66. Tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

- A. Ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc
- B. Giamh đoc lap dan toc va phai giu vung nen doc lap dan toc ay

- C. Ý chí độc lập dân tộc và quyền được hưởng tự do độc lập
- D. Giành độc lập tự do, dân chủ, bình đẳng và bảo vệ dân tộc

Câu 67. Đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” là một mẫu hình mới của:

- A. Con người mới XHCN trong quân đội kiểu mới
- B. Người công dân anh dũng trong dân tộc anh hùng
- C. Chiến sỹ XHCN trong quân đội nhân dân kiểu mới
- D. Công dân XHCN trong quân đội nhân dân

BÀI 3 (70 Câu)

Câu 1. Về vị trí của nền QPTD, ANND, Đảng ta khẳng định: luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh coi đó là:

- A. Nhiệm vụ chiến lược
- B. Nhiệm vụ quan trọng
- C. Nhiệm vụ hàng đầu
- D. Nhiệm vụ trọng tâm

Câu 2. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là:

- A. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN
- B. Xây dựng phát triển kinh tế và bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc
- C. Bảo vệ tổ quốc XHCN và xây dựng CNXH
- D. Bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng thành công CNXH

Câu 3. Một trong những đặc trưng của nền QPTD, ANND là nền quốc phòng, an ninh:

- A. Vì dân, của dân và do nhân dân tiến hành
- B. Bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân
- C. Mang tính giai cấp, nhân dân sâu sắc
- D. Do nhân dân xây dựng, mang tính nhân dân sâu sắc

Câu 4. Sức mạnh của nền QPTD, ANND ở nước ta là:

- A. Sức mạnh của toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại
- B. Sức mạnh do các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học
- C. Sức mạnh tổng hợp do nhiều lực lượng tạo thành
- D. Sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong nước

Câu 5. Một trong những nội dung xây dựng thế trận QPTD, ANND là:

- A. Tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp cải tạo địa hình với xây dựng hạ tầng
- B. Tổ chức phòng thủ quân sự, kết hợp với chủ động tiến công tiêu diệt địch
- C. Tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp với hệ thống điểm tựa vững chắc
- D. Tổ chức phòng thủ quân sự, kết hợp với các biện pháp chống địch tiến công

Câu 6. Quá trình hiện đại hóa nền QPTD, ANND phải gắn liền với:

- A. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- B. Tiềm lực khoa học công nghệ của nước ta
- C. Hiện đại hóa nền kinh tế nước nhà
- D. Hiện đại hóa quân sự, an ninh đất nước

Câu 7. Mục đích xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh là để:

- A. Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- B. Tạo ra cơ sở vật chất, nâng cao đời sống cho lực lượng vũ trang
- C. Tạo ra tiềm lực quân sự để phòng thủ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc
- D. Tạo được môi trường hòa bình để phát triển kinh tế đất nước

Câu 8. Để xây dựng nền QPTD, ANND hiện nay, chúng ta phải:

- A. Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh
- B. Thường xuyên giáo dục ý thức trách nhiệm của mọi người
- C. Tăng cường vai trò của các tổ chức quần chúng
- D. Phát huy vai trò của các cơ quan đoàn thể và của công dân

Câu 9. Một trong những nội dung xây dựng QPTD, ANND là:

- A. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh
- B. Xây dựng nền dân chủ XHCN

- C. Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị
- D. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Câu 10. Nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh là:

- A. Tiềm lực chính trị tinh thần
- B. Đại đoàn kết toàn dân tộc
- C. Vai trò lãnh đạo của Đảng
- D. Tiềm lực kinh tế

Câu 11. Tiềm lực quốc phòng, an ninh được thể hiện:

- A. Trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội
- B. Trên tất cả mọi hoạt động của các địa phương
- C. Trong tất cả mọi hoạt động quốc phòng, an ninh
- D. Trong quá trình củng cố quốc phòng và an ninh

Câu 12. Việc tạo ra sức mạnh quốc phòng, an ninh không chỉ ở sức mạnh quân sự, an ninh mà phải huy động được:

- A. Sức mạnh của toàn dân về mọi mặt
- B. Sức mạnh vật chất của toàn xã hội
- C. Sức mạnh tinh thần của mọi người
- D. Sức mạnh của các cấp, các ngành

Câu 13. Sức mạnh của nền QPTD, ANND ở nước ta là sức mạnh tổng hợp được tạo thành bởi:

- A. Rất nhiều yếu tố của dân tộc và của thời đại
- B. Tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường
- C. Giữ vững được hòa bình, ổn định đất nước
- D. Rất nhiều yếu tố thực tiễn lịch sử, hiện tại

Câu 14. “*Chính trị tinh thần*” là yếu tố quyết định thắng lợi:

- A. Trên chiến trường
- B. Trong chiến tranh
- C. Trong cuộc chiến
- D. Trên mọi mặt trận

Câu 15. Nền QPTD, ANND của nước ta, thực chất là:

- A. Sức mạnh quốc phòng, an ninh của đất nước
- B. Khả năng quốc phòng, an ninh của đất nước
- C. Tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước
- D. Nền tảng quốc phòng, an ninh của đất nước

Câu 16. Để xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh chúng ta phải kết hợp xây dựng về mọi mặt, trong đó phải kết hợp chặt chẽ:

- A. Phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh
- B. Phát triển lực lượng vũ trang nhân dân với phát triển kinh tế xã hội
- C. Phát triển kinh tế, xã hội với an ninh tư tưởng, văn hóa và đối ngoại
- D. Phát triển các quân binh chủng hải hòa với kinh tế, văn hóa, xã hội

Câu 17. Nhiệm vụ cơ bản xây dựng nền QPTD, ANND là:

- A. Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc
- B. Chuẩn bị cho Tổ quốc đối phó thành công với các tình huống, lực lượng xâm hại
- C. Gắn kết chặt chẽ các thành phần kinh tế với các thành phần quốc phòng, an ninh
- D. Xây dựng lực lượng quân sự, an ninh vững mạnh chuẩn bị cho chiến tranh

Câu 18. Cơ chế lãnh đạo, chỉ huy xây dựng nền QPTD, ANND là:

- A. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý điều hành, quân đội, công an làm tham mưu
- B. Đảng chỉ đạo, Nhà nước quản lý điều hành, quốc phòng, an ninh đề xuất
- C. Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Bộ Quốc phòng chỉ huy, điều hành
- D. Nhà nước chỉ đạo, Đảng lãnh đạo, quân đội, công an làm tham mưu

Câu 19. Cơ sở để xây dựng thể trận QPTD là:

- A. Đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng
- B. Truyền thống đánh giặc của ông cha ta
- C. Sự xuất hiện của chiến tranh kiểu mới
- D. Thay đổi của cục diện trên thế giới

Câu 20. Nền QPTD, ANND ở nước ta được xây dựng trên nền tảng tư tưởng:

- A. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh
- B. Tư tưởng quân sự Việt Nam, chủ nghĩa Mác-Lênin
- C. Chủ nghĩa Mác-Lênin, truyền thống chống ngoại xâm
- D. Tư tưởng Hồ Chí Minh, thực tiễn quốc phòng thế giới

Câu 21. “Nền QPTD, ANND được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại” là một trong những nội dung của:

- A. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Đặc điểm nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- D. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 22. Lực lượng quốc phòng, an ninh của nền QPTD, ANND gồm có:

- A. Lực lượng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân
- B. Lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân
- C. Lực lượng toàn dân và lực lượng dự bị động viên
- D. Lực lượng chính trị và lực lượng quân sự, công an

Câu 23. Một trong những đặc trưng của nền QPTD, ANND là:

- A. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân
- B. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với, sự đoàn kết của toàn dân
- C. Nền quốc phòng, an ninh kết hợp truyền thống với hiện đại
- D. Nền quốc phòng, an ninh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại

Câu 24. Tiềm lực chính trị tinh thần trong nội dung xây dựng nền QPTD, ANND là khả năng về chính trị tinh thần:

- A. Có thể huy động được để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
- B. Của xã hội để tự vệ chống lại mọi thủ đoạn kẻ thù xâm lược
- C. Của quân đội để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
- D. Có thể huy động được trong nhân dân để chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc

Câu 25. Một trong những nội dung xây dựng thể trận QPTD, ANND là:

- A. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố)
- B. Phát triển lực lượng gắn với các vùng dân cư
- C. Xây dựng công trình quốc phòng, an ninh vững chắc
- D. Phát triển vùng dân cư gắn với các trận địa phòng thủ

Câu 26. “Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền QPTD, ANND” là một trong những nội dung của:

- A. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh

- C. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- D. Phương pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 27. “Nền QPTD, ANND chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng” là nội dung của:

- A. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Khái niệm nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Vị trí nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- D. Đặc điểm nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 28. Tiềm lực quốc phòng, an ninh là:

- A. Khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
- B. Khả năng về con người, của cải vật chất có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
- C. Khả năng về lực lượng, vũ khí trang bị có thể huy động phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
- D. Khả năng về tài chính, phương tiện kỹ thuật có thể huy động thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

Câu 29. “Phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với vùng kinh tế trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư theo nguyên tắc bảo vệ đi đôi với xây dựng đất nước” là một nội dung của:

- A. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- D. Xây dựng tiềm lực kinh tế của quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 30. Trong xây dựng tiềm lực quốc phòng an ninh, tiềm lực chính trị tinh thần là:

- A. Nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh
- B. Nhân tố chủ yếu tạo nên sức mạnh quốc phòng, an ninh
- C. Yếu tố hàng đầu tạo nên sức mạnh quốc phòng, an ninh
- D. Yếu tố quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc

Câu 31. Xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ của nền QPTD, ANND là:

- A. Tạo nên khả năng về khoa học công nghệ của quốc gia để khai thác phục vụ quốc phòng, an ninh
- B. Tạo nên khả năng về vũ khí trang bị kỹ thuật để phòng thủ đất nước
- C. Tạo nên khả năng huy động đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật phục vụ quốc phòng, an ninh
- D. Tạo ra khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ vào quốc phòng, an ninh

Câu 32. “Nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của đất nước được xây dựng trên nền tảng nhân lực, vật lực, tinh thần mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường” là nội dung của:

- A. Khái niệm nền quốc phòng toàn dân
- B. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân
- C. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân
- D. Quan điểm xây dựng nền quốc phòng toàn dân

Câu 33. Tiềm lực kinh tế trong nội dung xây dựng tiềm lực QPTD, ANND là điều kiện:

- A. Tạo sức mạnh vật chất cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Vật chất bảo đảm cho xây dựng lực lượng vũ trang và thể trận quốc phòng
- C. Để phát triển nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện đại
- D. Tạo nên thể trận chiến tranh toàn dân và trận địa an ninh nhân dân

Câu 34. “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực

hiện của cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền QPTD, ANND” là một nội dung của:

- A. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- D. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 35. Trong xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh, tiềm lực tạo sức mạnh vật chất cho nền QPTD, ANND, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác, đó là:

- A. Tiềm lực kinh tế
- B. Tiềm lực khoa học
- C. Tiềm lực chính trị
- D. Tiềm lực quân sự

Câu 36. “Năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước; ý chí quyết tâm của nhân dân, của các lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc” là biểu hiện của:

- A. Tiềm lực chính trị, tinh thần
- B. Ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc
- C. Sự vững mạnh về quốc phòng, an ninh
- D. Tiềm lực quân sự, an ninh

Câu 37. Một trong những nội dung xây dựng thể trận QPTD, ANND là phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với:

- A. Vùng kinh tế, dân cư
- B. Bảo toàn lực lượng
- C. Quy hoạch dân cư
- D. Phương án phòng thủ

Câu 38. “Tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước cả về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ để giữ vững hòa bình, ổn định, đẩy lùi, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô” là nội dung của:

- A. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Vị trí của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- D. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 39. Sức mạnh tổng hợp của nền QPTD, ANND là cơ sở, là tiền đề và là biện pháp để nhân dân ta:

- A. Đánh thắng kẻ thù xâm lược
- B. Giữ vững độc lập dân tộc
- C. Thống nhất đất nước
- D. Xây dựng CNXH

Câu 40. Để bảo đảm thể trận QPTD, ANND vững chắc, cần phải có sự gắn kết chặt chẽ:

- A. Kinh tế-xã hội với QPAN
- B. Quan hệ đối ngoại với quốc phòng, an ninh
- C. Kinh tế với, an ninh và trật tự, an toàn xã hội
- D. Kinh tế, chính trị với quan hệ đối ngoại

Câu 41. Nhiệm vụ cơ bản trong xây dựng QPTD, ANND:

- A. Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN
- B. Chuẩn bị lực lượng quốc phòng, an ninh chu đáo để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN
- C. Xây dựng sức mạnh toàn diện, gắn kết chặt chẽ các thành phần kinh tế với nhiệm vụ quốc phòng,

an ninh

D. Xây dựng các lực lượng quốc phòng, an ninh vững mạnh, chuẩn bị cho chiến tranh nhân dân

Câu 42. Xây dựng nền QPTD, ANND là xây dựng:

- A. Lực lượng, tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Cơ sở vật chất và công trình phòng thủ của quốc phòng, an ninh
- C. Nhân lực, vật lực và tài chính để bảo đảm quốc phòng, an ninh toàn dân
- D. Lực lượng vũ trang và tổ chức phòng thủ của nền quốc phòng toàn dân

Câu 43. “Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc” là nội dung của:

- A. Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần
- B. Xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần
- C. Xây dựng sức mạnh chính trị, tinh thần
- D. Xây dựng lực lượng chính trị, tinh thần

Câu 44. Tiềm lực quân sự, an ninh là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của đất nước, giữ vai trò:

- A. Nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc
- B. Quyết định để bảo vệ Tổ quốc
- C. Quan trọng để bảo vệ Tổ quốc
- D. Cần thiết để bảo vệ Tổ quốc

Câu 45. Sức mạnh quốc phòng của đất nước được xây dựng trên nền tảng:

- A. Nhân lực, vật lực, tinh thần
- B. Con người, vật chất, tinh thần
- C. Nhân lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật
- D. Chính trị tinh thần, cơ sở vật chất

Câu 46. Tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ là nội dung cần tập trung trong xây dựng:

- A. Tiềm lực kinh tế
- B. Sức mạnh kinh tế
- C. Công nghiệp quốc phòng
- D. Tiềm lực quốc phòng

Câu 47. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) sẽ tạo nền tảng cho:

- A. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- C. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh
- D. Xây dựng khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt

Câu 48. Nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh cho mọi đối tượng, trong đó giáo dục âm mưu, thủ đoạn của địch nhằm làm cho mọi người, mọi tổ chức:

- A. Biết tự bảo vệ trước sự chống phá của các thế lực thù địch
- B. Nhận rõ bộ mặt kẻ thù để lên án chủ nghĩa đế quốc, phản động
- C. Biết được bản chất của kẻ thù để phòng tránh có hiệu quả
- D. Nhận diện đối tượng tác chiến để tự bảo vệ bản thân, tổ chức

Câu 49. Nhiệm vụ của các tổ chức, doanh nghiệp trong xây dựng nền QPTD, ANND là:

- A. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật
- B. Ủng hộ vật chất, tinh thần cho lực lượng vũ trang
- C. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh
- D. Cử người tham gia vào lực lượng vũ trang

Câu 50. Xây dựng thể trận QPTD, ANND chúng ta phải gắn kết:

- A. Thể trận kinh tế với thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân với ngoại giao
- C. Thể trận quân sự, an ninh, đối ngoại với thể trận phòng thủ dân sự
- D. Phòng thủ dân sự với thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 51. Xây dựng nền QPTD, ANND ở nước ta được triển khai thực hiện:

- A. Trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội
- B. Trên tất cả các địa phương trong cả nước
- C. Trong tất cả các Bộ, ngành, các tổ chức xã hội
- D. Trên mọi hoạt động của kinh tế, xã hội, đối ngoại

Câu 52. Giữ vai trò nòng cốt trong xây dựng QPTD, ANND là:

- A. Lực lượng vũ trang nhân dân
- B. Lực lượng quân đội nhân dân
- C. Lực lượng dân quân tự vệ
- D. Lực lượng an ninh nhân dân

Câu 53. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao cảnh giác cách mạng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội là một trong những nội dung:

- A. Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Của tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Kêu gọi toàn dân thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- D. Xây dựng ý chí quyết tâm của nhân dân, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, xã hội

Câu 54. Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền QPTD, ANND chúng ta phải thường xuyên:

- A. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường QPAN
- B. Phát triển hài hòa kinh tế-xã hội quốc gia với kinh tế - quốc phòng, an ninh
- C. Kết hợp kinh tế-xã hội của đất nước với phát triển công nghiệp quốc phòng
- D. Phát triển tiềm lực kinh tế với tiềm lực quân sự, an ninh và các tiềm lực khác

Câu 55. Trong xây dựng nền QPTD, ANND, nền quốc phòng toàn dân phải gắn chặt với nền an ninh nhân dân, bởi vì:

- A. Quốc phòng, an ninh cùng chung mục đích chống thù trong, giặc ngoài để BVTQ
- B. An ninh luôn luôn gắn bó với quốc phòng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam
- C. QPAN cùng tạo nên sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng, an ninh toàn dân
- D. An ninh luôn đi cùng quốc phòng, tạo điều kiện cho quốc phòng nhân dân phát triển mạnh mẽ

Câu 56. Xây dựng nền QPTD, ANND là tạo ra:

- A. Sức mạnh và khả năng bảo vệ Tổ quốc
- B. Lực lượng tổng hợp để bảo vệ Tổ quốc
- C. Sức mạnh của đất nước để đánh bại kẻ thù
- D. Lực lượng vũ trang hùng mạnh để đánh bại kẻ thù

Câu 57. Tính cơ động của nền kinh tế đất nước trong mọi điều kiện hoàn cảnh là nội dung của xây dựng:

- A. Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Sức mạnh kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Khả năng kinh tế của đất nước khi tiến hành chiến tranh xảy ra
- D. Điều kiện kinh tế của đất nước trong điều kiện chiến tranh

Câu 58. Trong xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh, tiềm lực biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của đất nước, giữ vai trò nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc là:

- A. Tiềm lực quân sự, an ninh

- B. Tiềm lực chính trị, tinh thần
- C. Tiềm lực kinh tế, xã hội
- D. Tiềm lực chính trị, quân sự

Câu 59. Thế trận quốc phòng, an ninh là:

- A. Sự tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- B. Sự sắp xếp, bố trí lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất, tài chính trên phạm vi cả nước theo yêu cầu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- C. Sự chuẩn bị toàn diện mọi mặt của đất nước từ trung ương đến các địa phương trên phạm vi cả nước đáp ứng yêu cầu phòng thủ, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- D. Sự chuẩn bị đầy đủ nhân lực, vật lực, tài chính, triển khai bố trí lực lượng, tổ chức phòng thủ dân sự theo yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

Câu 60. “Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cơ sở vật chất kỹ thuật có thể huy động phục vụ cho QPAN và năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học có thể đáp ứng nhu cầu QPAN” là nội dung biểu hiện của:

- A. Tiềm lực khoa học, công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Tiềm lực kinh tế, xã hội của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Tiềm lực kỹ thuật quân sự của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- D. Tiềm lực khoa học quân sự của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 61. “Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh” là một biện pháp nhằm:

- A. Tác động tích cực và trực tiếp đến nhận thức về nhiệm vụ QP, AN của nhân dân
- B. Tác động tích cực và trực tiếp đến trình độ dân trí về bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ
- C. Tác động mạnh mẽ đến ý chí tinh thần của cả hệ thống chính trị trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- D. Tác động trực tiếp đến nhận thức, tinh thần và ý chí quyết tâm của lực lượng vũ trang trong khu vực phòng thủ

Câu 62. Một trong những nội dung về tăng cường giáo dục QPAN cho toàn dân là:

- A. Giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, chế độ XHCN
- B. Giáo dục về bản chất hiếu chiến, xâm lược của chủ nghĩa đế quốc
- C. Giáo dục lòng căm thù giặc, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì Tổ quốc
- D. Giáo dục lòng trung thành, ý chí quyết tâm chiến đấu

Câu 63. Để tạo nền tảng cho thế trận QPTD, ANND chúng ta phải chú trọng xây dựng:

- A. Khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố)
- B. Khu vực quân sự, an ninh vững chắc
- C. Khu vực phòng thủ dân sự và quân sự
- D. Khu vực phòng thủ quân sự then chốt

Câu 64. Xây dựng tiềm lực kinh tế đất nước là điều kiện, là cơ sở để tạo sức mạnh vật chất cho:

- A. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Các lực lượng vũ trang nhân dân
- C. Chiến tranh nhân dân trong tương lai
- D. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Câu 65. Xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh là tạo ra sức mạnh để:

- A. Ngăn ngừa, đẩy lùi, đánh bại mọi âm mưu, hành động xâm hại đến mục tiêu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- B. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chống lại mọi kẻ thù xâm lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

C. Gìn giữ hòa bình, hội nhập thế giới thực hiện thắng lợi mọi mục tiêu, nhiệm vụ của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

D. Đánh bại mọi kẻ thù xâm lược, tạo môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

Câu 66. Cơ sở, tiền đề và là biện pháp để chúng ta đánh thắng kẻ thù xâm lược, đó là:

- A. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Yếu tố chính trị, tinh thần để chúng ta đối phó với kẻ thù xâm lược
- C. Tiềm lực vật chất, vũ khí trang bị của lực lượng vũ trang nhân dân
- D. Sức mạnh của lực lượng vũ trang kết hợp với sức mạnh thời đại

Câu 67. Xây dựng thế trận QPTD, ANND vững chắc phải theo yêu cầu của:

- A. Quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- B. Quân sự, an ninh, chiến tranh toàn dân, toàn diện bảo vệ đất nước
- C. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
- D. Phát triển quốc phòng, an ninh, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

Câu 68. Để xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh, chúng ta phải:

- A. Kết hợp sức mạnh của nhiều yếu tố
- B. Liên minh quân sự với các nước khác
- C. Độc lập tự chủ phát triển kinh tế, xã hội
- D. Phát triển kinh tế, giữ vững hòa bình

Câu 69. Xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh, phải thường xuyên giáo dục QPAN cho:

- A. Mọi đối tượng
- B. Cán bộ lãnh đạo
- C. Thanh niên, sinh viên
- D. Học sinh phổ thông

Câu 70. Để thường xuyên thực hiện giáo dục QPAN có hiệu quả, chúng ta phải:

- A. Vận dụng nhiều hình thức, phương pháp giáo dục, tuyên truyền
- B. Tổ chức nhiều lớp học cho các đối tượng, tầng lớp nhân dân
- C. Vận dụng đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền, giáo dục
- D. Kết hợp tổ chức giáo dục với tuyên truyền khắp mọi nơi, mọi lúc

BÀI 4 (28 Câu)

Câu 1. Đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là:

- A. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động
- B. Chủ nghĩa đế quốc và bọn tội phạm
- C. Chủ nghĩa khủng bố và bọn phản động
- D. Các thế lực phản cách mạng và phản động

Câu 2. Nếu xâm lược nước ta kẻ thù sẽ:

- A. Thực hiện đánh nhanh, thắng nhanh, kết hợp tiến công quân sự từ bên ngoài với BLLĐ từ bên trong
- B. Đánh đồng loạt các mục tiêu, trên từng khu vực và kết hợp với các biện pháp phi vũ trang để tuyên truyền, lừa bịp dư luận
- C. Thực hiện bao vây phong tỏa kinh tế, quân sự, vừa đánh vừa thăm dò phản ứng của ta, kết hợp với lôi kéo đồng minh
- D. Đánh hủy diệt ngay từ đầu, đưa lực lượng đối lập lên nắm quyền, kết hợp với đưa lực lượng quân sự vào hỗ trợ chính phủ mới

Câu 3. Tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, khó khăn cơ bản nhất của địch là:

- A. Phải đương đầu với một dân tộc có truyền thống kiên cường bất khuất chống giặc ngoại xâm
- B. Tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược, chiến tranh phi nghĩa sẽ bị toàn thể giới lên án
- C. Phải tác chiến trong điều kiện khí hậu, thời tiết phức tạp, không thông thuộc địa hình
- D. Có nhiều khó khăn trong công tác đảm bảo hậu cần kỹ thuật, cơ động của các loại cơ giới

Câu 4. Một trong những đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là:

- A. Hình thái đất nước được chuẩn bị sẵn sàng, thế trận quốc phòng, an ninh ngày càng được củng cố vững chắc
- B. Cả đất nước đã sẵn sàng, khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố luôn luôn được củng cố và phát triển vững chắc
- C. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân đã được chuẩn bị từ thời bình và thường xuyên được phát triển
- D. Thế trận quốc phòng, an ninh được xây dựng rộng khắp trên cả nước, từng địa phương, có trọng tâm, trọng điểm

Câu 5. Điểm mạnh cơ bản của địch khi tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta là:

- A. Có ưu thế tuyệt đối về sức mạnh quân sự, kinh tế và khoa học, công nghệ
- B. Có vũ khí trang bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, kỹ thuật quân sự hiện đại
- C. Quân số đông, vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện đại, khoa học phát triển
- D. Khi tiến công, có sự cấu kết với bọn phản động trong nước gây bạo loạn

Câu 6. Một trong những tính chất của chiến tranh nhân dân BVTQ là cuộc chiến tranh:

- A. Mang tính hiện đại
- B. Chống quân xâm lược
- C. Bảo vệ độc lập dân tộc
- D. Bảo vệ CNXH.

Câu 7. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc “là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ cách mạng, nhằm bảo vệ độc lập tự do của dân tộc, bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ nhân dân” là một trong những:

- A. Tính chất của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- B. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- D. Quan điểm về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

Câu 8. Muốn tiến hành chiến tranh nhân dân thắng lợi, chúng ta phải:

- A. Tổ chức thể trận chiến tranh nhân dân
- B. Tổ chức lực lượng toàn dân đánh giặc
- C. Tổ chức trận địa đánh giặc ở địa phương
- D. Tổ chức thể và lực khu vực phòng thủ

Câu 9. Để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc, quan điểm của Đảng ta là phải chuẩn bị mọi mặt:

- A. Trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh lâu dài
- B. Đầy đủ cả tiềm lực kinh tế, quân sự, lực lượng để đánh thắng
- C. Chu đáo, toàn diện, rộng khắp để đủ sức trường kỳ đánh giặc
- D. Trên tất cả khu vực phòng thủ để đủ sức đánh giặc lâu dài

Câu 10. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là cuộc:

- A. Chiến tranh chính nghĩa
- B. Chiến tranh phòng vệ
- C. Chiến tranh tự bảo vệ
- D. Chiến tranh chính đáng

Câu 11. Lực lượng làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc ở địa phương là:

- A. Bộ đội địa phương và dân quân tự vệ
- B. Lực lượng bộ đội và công an nhân dân
- C. Bộ đội thường trực và dân quân tự vệ
- D. Bộ đội chủ lực và dân quân du kích

Câu 12. Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, lực lượng vũ trang nhân dân là lực lượng:

- A. Nòng cốt của nền quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân
- B. Chủ lực tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- C. Nòng cốt cho các lực lượng khác tiến hành chiến tranh
- D. Chủ yếu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Câu 13. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của kẻ thù là:

- A. Mục tiêu trước mắt của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- B. Nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của cách mạng Việt Nam
- C. Mục đích của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- D. Nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên của cách mạng nước ta

Câu 14. Lực lượng làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc trên phạm vi cả nước là:

- A. Bộ đội chủ lực cùng lực lượng vũ trang địa phương
- B. Quân đội nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương
- C. Bộ đội thường trực cùng công an và dân quân tự vệ
- D. Bộ đội chủ lực kết hợp với lực lượng địa phương

Câu 15. Chiến tranh nhân dân là quá trình sử dụng tiềm lực của đất nước nhằm:

- A. Đánh bại ý đồ xâm lược, lật đổ của kẻ thù
- B. Bảo vệ mục tiêu, đánh bại ý đồ bạo loạn lật đổ
- C. Đánh bại kẻ thù xâm lược, bảo vệ mục tiêu
- D. Phòng chống “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

Câu 16. Lực lượng nòng cốt trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là:

- A. Lực lượng vũ trang nhân dân
- B. Lực lượng quân đội, công an
- C. Lực lượng vũ trang quần chúng

D. Lực lượng quốc phòng toàn dân

Câu 17. Cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN mang tính chất:

- A. Chính nghĩa, tự vệ cách mạng
- B. Khẩn trương, quyết liệt, phức tạp
- C. Tự vệ, bảo toàn độc lập chủ quyền
- D. Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường

Câu 18. Tiến hành CTND, toàn dân đánh giặc là điều kiện để phát huy cao nhất:

- A. Sức mạnh tổng hợp của cuộc chiến tranh
- B. Sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc
- C. Tinh thần yêu nước của toàn thể nhân dân
- D. Ý chí kiên cường của quân và dân ta

Câu 19. Để chuẩn bị mọi mặt cho chiến tranh nhân dân BVTQ, chúng ta phải tập trung:

- A. Xây dựng tỉnh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc
- B. Xây dựng khu vực phòng thủ then chốt vững mạnh
- C. Phát triển lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp
- D. Xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh toàn diện

Câu 20. Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc là cuộc chiến tranh mang tính chất:

- A. Toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt
- B. Toàn diện, lấy quân sự làm trung tâm, lấy chính trị làm cơ sở
- C. Toàn dân, lấy quân sự là quyết định, lấy chính trị làm nền tảng
- D. Cách mạng, chống các thế lực phản cách mạng, thế lực thù địch

Câu 21. Một trong những đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là:

- A. Chiến tranh diễn ra khẩn trương, quyết liệt phức tạp ngay từ đầu và trong suốt quá trình
- B. Chiến tranh diễn ra ác liệt, phải đối phó với vũ khí công nghệ cao của địch ngay từ đầu
- C. Chiến tranh diễn ra phức tạp, phải đối đầu với lực lượng quân sự nhiều nước tham gia
- D. Chiến tranh diễn ra với quy mô lớn, diễn ra trên phạm vi cả nước rất quyết liệt

Câu 22. “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới” là một trong những nội dung của:

- A. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- B. Đặc điểm nổi bật trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- C. Tính chất quan trọng của cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc
- D. Nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

Câu 23. Quan điểm của Đảng ta trong chiến tranh nhân dân BVTQ là phải tiến hành:

- A. Chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
- B. Chiến tranh trên cả nước, trên mọi mặt trận, lấy thắng lợi quân sự là yếu tố quyết định giành thắng lợi
- C. Cuộc chiến tranh toàn dân, đánh địch trên mọi mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao, trên cả ba vùng chiến lược
- D. Cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ bằng sức mạnh của cả dân tộc để bảo vệ độc lập tự do của dân tộc, bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ

Câu 24. Tính hiện đại trong chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc ở Việt Nam là hiện đại về:

- A. Vũ khí, trang bị, tri thức và nghệ thuật quân sự
- B. Khí tài, phương tiện, cách đánh và thể trận
- C. Tri thức lực lượng vũ trang và vũ khí, trang bị

D. Vũ khí, trang bị và hệ thống phòng thủ

Câu 25. Quan điểm thực hiện toàn dân đánh giặc trong chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc có ý nghĩa là:

- A. Cơ sở để huy động được lực lượng toàn dân tham gia đánh giặc
- B. Điều kiện để mỗi người dân được tham gia đánh giặc, giữ nước
- C. Cơ sở để phát huy cao nhất yếu tố con người trong chiến tranh
- D. Điều kiện để phát huy sức mạnh trong nước và ngoài nước

Câu 26. Mặt trận có ý nghĩa quyết định thắng lợi của chiến tranh là:

- A. Mặt trận quân sự
- B. Mặt trận kinh tế
- C. Mặt trận ngoại giao
- D. Mặt trận chính trị

Câu 27. Trong chiến tranh, yếu tố quyết định thắng lợi trên chiến trường là:

- A. Chính trị, tinh thần
- B. Vũ khí, trang bị hiện đại
- C. Nghệ thuật tác chiến
- D. Vũ khí và người chỉ huy

Câu 28. Trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, phải kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa chiến đấu vừa sản xuất, vì:

- A. Nhu cầu bảo đảm cho chiến tranh và ổn định đời sống nhân dân đòi hỏi cao và khẩn trương
- B. Cuộc chiến tranh rất ác liệt, thương vong về người và tiêu hao về vật chất kỹ thuật sẽ rất lớn
- C. Quy mô cuộc chiến tranh sẽ mở rộng, không phân biệt tiền tuyến, hậu phương
- D. Kẻ thù sử dụng vũ khí công nghệ cao, thực hiện đánh nhanh, thắng nhanh, tàn phá rất lớn

BÀI 5 (59 Câu)

Câu 1. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam gồm:

- A. Quân đội nhân dân, công an nhân dân, dân quân tự vệ
- B. Bộ đội thường trực, lực lượng công an, dân quân tự vệ
- C. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ
- D. Bộ đội chủ lực, công an nhân dân, bộ đội biên phòng

Câu 2. Ngày, tháng, năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam:

- A. 22/12/1944
- B. 19/08/1945
- C. 20/12/1944
- D. 22/12/1945

Câu 3. Đặc điểm thuận lợi trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:

- A. Tiềm lực và vị thế của nước ta được tăng cường
- B. Quan hệ quốc tế ngày càng được mở rộng
- C. Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu hơn
- D. Kinh tế vẫn tiếp tục tăng trưởng ổn định

Câu 4. Nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân:

- A. Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt
- B. Tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện
- C. Trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt
- D. Trực tiếp, toàn diện mọi lĩnh vực

Câu 5. Lực lượng vũ trang nhân dân trong bảo vệ Tổ quốc có vị trí là lực lượng:

- A. Nòng cốt của quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và chiến tranh nhân dân
- B. Xung kích trong các hoạt động quân sự, an ninh và quyết định trong chiến tranh
- C. Chủ yếu của sự nghiệp bảo vệ tổ quốc, nòng cốt trong xây dựng đất nước
- D. Nòng cốt quyết định sức mạnh QPAN của ta trong thời bình

Câu 6. Ngày, tháng, năm thành lập Dân quân tự vệ Việt Nam:

- A. 28/3/1935
- B. 30/4/1975
- C. 28/3/1930
- D. 19/8/1945

Câu 7. Quan điểm của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân:

- A. Tự lực, tự cường xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
- B. Phát huy nội lực, tự chủ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
- C. Độc lập, dựa vào sức mình để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
- D. Phát huy tự chủ, tự lực xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

Câu 8. Dân quân tự vệ Việt nam là:

- A. Một bộ phận quan trọng trong lực lượng vũ trang địa phương
- B. Thành phần quan trọng của ba thứ quân trong lực lượng vũ trang
- C. Một bộ phận cơ bản nhất của lực lượng vũ trang nhân dân
- D. Lực lượng chiến đấu thường xuyên trên mặt trận quân sự

Câu 9. Lực lượng được Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá “...là lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc...” đó là:

- A. Lực lượng dân quân tự vệ
- B. Lực lượng vũ trang quần chúng
- C. Lực lượng vũ trang địa phương
- D. Lực lượng vũ trang tại chỗ

Câu 10. Quan điểm, nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:

- A. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang
- B. Bảo đảm cho lực lượng vũ trang có lòng trung thành với Tổ quốc
- C. Lực lượng vũ trang nhân dân phải luôn trung với Đảng, hiếu với dân
- D. Xây dựng lực lượng vũ trang tang cường bản chất giai cấp công nhân

Câu 11. Ngày, tháng, năm thành lập Công an nhân dân Việt Nam:

- A. 19/8/1945
- B. 19/8/1944
- C. 22/12/1945
- D. 20/12/1944

Câu 12. “Tổ chức các đơn vị phải gọn, mạnh, cơ động nhanh, có sức chiến đấu cao” là biện pháp chấn chỉnh tổ chức biên chế lực lượng vũ trang đối với:

- A. Bộ đội chủ lực
- B. Bộ đội địa phương
- C. Bộ đội binh chủng
- D. Bộ đội cơ động

Câu 13. Phong trào tăng gia sản xuất của các đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam đã phản ánh thường xuyên chức năng:

- A. Đội quân sản xuất
- B. Đội quân xây dựng

- C. Đội quân tăng gia
- D. Đội quân lao động

Câu 14. Một trong ba bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam là:

- A. Dân quân tự vệ
- B. Dân phòng
- C. Thanh niên xung kích
- D. Bảo vệ khu phố

Câu 15. Cán bộ, chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam được nhân dân gọi với cái tên triu mến:

- A. Bộ đội Cụ Hồ
- B. Con em nhân dân
- C. Bộ đội Bác Hồ
- D. Anh vệ quốc quân

Câu 16. Thực hiện phương hướng xây dựng quân đội, là phải xây dựng quân đội tinh nhuệ về:

- A. Kỹ, chiến thuật
- B. Điều lệnh đội ngũ
- C. Công tác tuyên truyền
- D. Kỷ luật, đoàn kết

Câu 17. Sức mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân phụ thuộc vào:

- A. Sự phát triển kinh tế, xã hội
- B. Vũ khí, nghệ thuật quân sự
- C. Sự phát triển của khoa học
- D. Văn hóa, khoa học quân sự

Câu 18. “*Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong điều kiện quốc tế đã thay đổi, có nhiều diễn biến phức tạp*”, là nội dung của:

- A. Đặc điểm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
- B. Điều kiện xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
- C. Tình hình xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
- D. Biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

Câu 19. Luật Dân quân tự vệ được ban hành:

- A. Năm 2009
- B. Năm 2007
- C. Năm 2008
- D. Năm 2010

Câu 20. Một trong những phương hướng xây dựng lực LLVTND là xây dựng:

- A. Quân đội nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại
- B. Lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu
- C. Quân đội cách mạng, chính qui, đoàn kết, thống nhất, ngày càng hiện đại
- D. Quân đội chính qui, hiện đại, tinh nhuệ, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu cao

Câu 21. Phương hướng xây dựng lực lượng dự bị động viên:

- A. Hùng hậu, được huấn luyện và quản lý tốt, đảm bảo khi cần động viên nhanh theo kế hoạch
- B. Có số lượng đông đảo, chất lượng ngày càng cao, huấn luyện thường xuyên theo kế hoạch
- C. Lực lượng dự bị hùng hậu, luôn trong tư thế sẵn sàng động viên nhanh theo kế hoạch
- D. Hùng hậu, vững mạnh, được nâng cao chất lượng huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu

Câu 22. Để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng hùng mạnh, chúng ta phải:

- A. Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật của lực lượng vũ trang

- B. Nhanh chóng giải quyết yêu cầu về trang bị, vật chất cho lực lượng vũ trang
- C. Từng bước bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, phương tiện hiện đại cho quân đội
- D. Tích cực đổi mới, kịp thời bổ sung đầy đủ vũ khí kỹ thuật cho lực lượng vũ trang

Câu 23. Quan điểm của Đảng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là phải:

- A. Lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở
- B. Lấy chất lượng là trọng tâm, lấy chính trị, tư tưởng là chủ yếu
- C. Xây dựng toàn diện, tập trung đẩy mạnh hiện đại quân đội
- D. Xây dựng đồng bộ cả số lượng, chất lượng bộ đội và vũ khí

Câu 24. Thách thức lớn đối với chúng ta trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:

- A. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên
- B. Tình trạng đạo đức xuống cấp, đời sống nhân dân lao động còn khó khăn, tội phạm và tệ nạn xã hội chưa giảm
- C. Trật tự, an toàn xã hội còn nhiều phức tạp, trật tự kỷ cương còn lỏng lẻo, tai nạn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm đang là vấn đề bức xúc
- D. Kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, hàng gian, hàng giả, buôn lậu, trốn thuế vẫn còn phổ biến, gây bức xúc trong nhân dân

Câu 25. Tổ chức biên chế lực lượng vũ trang nhân dân cần phải:

- A. Xuất phát từ quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân
- B. Xuất phát từ tình hình thế giới và âm mưu của kẻ thù
- C. Xuất phát từ hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của đất nước
- D. Phù hợp với xu thế chung của thế giới và từng khu vực

Câu 26. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ phải chú trọng:

- A. Xây dựng cả số lượng và chất lượng, lấy chất lượng làm chính
- B. Xây dựng dân quân tự vệ đáp ứng được mọi tình huống
- C. Xây dựng rộng khắp cả nước, có trọng tâm, trọng điểm
- D. Xây dựng vững mạnh, toàn diện, coi trọng ý chí chiến đấu

Câu 27. Đối với sự tác động của bên ngoài thì khó khăn lớn cho ta trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:

- A. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hòa bình”, với mục tiêu vô hiệu hóa, phi chính trị hóa lực lượng vũ trang
- B. CNXH ở Đông Âu, Liên xô sụp đổ, chúng ta không còn có sự giúp đỡ của các nước trong phe XHCN
- C. Trên thế giới, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, chạy đua vũ trang, hoạt động khủng bố tiếp tục diễn ra nhiều nơi
- D. Khu vực Đông Nam Á vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố mất ổn định, tranh chấp biên giới, tài nguyên tiếp tục diễn ra với tính chất ngày càng phức tạp

Câu 28. Để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân, phải xây dựng các tổ chức Đảng:

- A. Trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức
- B. Vững mạnh toàn diện, có ý chí kiên cường, sức chiến đấu cao
- C. Vững mạnh, trong sạch, tác phong và kỷ luật nghiêm minh
- D. Trong sạch, vững chắc, có số lượng đông, chất lượng cao

Câu 29. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong giai đoạn mới, chúng ta phải thực hiện tốt biện pháp:

- A. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân

B. Xây dựng quân đội, lực lượng dự bị động viên và công an vững mạnh về mọi mặt, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu

C. Xây dựng dân quân tự vệ rộng khắp, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

D. Thực hiện đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân

Câu 30. Một trong những biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:

- A. Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, năng lực tốt
- B. Huấn luyện cho cán bộ, chiến sỹ có kỹ thuật, chiến thuật giỏi, chuyên môn cao
- C. Tổ chức biên chế các đơn vị phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khu vực phòng thủ
- D. Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quân đội, công an và dân quân tự vệ

Câu 31. Xây dựng quân đội cách mạng là làm cho lực lượng này phải:

- A. Tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân
- B. Luôn luôn trong thành, sẵn sàng hy sinh anh dũng khi Tổ quốc cần
- C. Giữ vững bản chất giai cấp công nhân, giữ vững lòng trung thành
- D. Ý chí quyết tâm cao, bản lĩnh vững vàng, không sợ gian khổ, hy sinh

Câu 32. Xây dựng quân đội chính quy nhằm:

- A. Thống nhất ý chí và hành động của mọi quân nhân
- B. Hoạt động thống nhất trong một đơn vị quân đội
- C. Làm cho quân đội hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu
- D. Tạo sức mạnh tổng hợp cho lực lượng quân đội

Câu 33. Quân đội giỏi sử dụng các loại vũ khí, phương tiện được trang bị, giỏi cách đánh, vận dụng mưu trí sáng tạo các hình thức chiến thuật là thể hiện:

- A. Tinh nhuệ về kỹ chiến thuật
- B. Tinh nhuệ về ý chí quyết tâm
- C. Tinh nhuệ về nghệ thuật quân sự
- D. Tinh nhuệ về huấn luyện

Câu 34. Đứng trước diễn biến của tình hình, cán bộ, chiến sỹ quân đội, công an có khả năng phân tích và kết luận chính xác đúng, sai, từ đó có thái độ đúng đắn là biểu hiện quân đội, công an:

- A. Tinh nhuệ về chính trị
- B. Nhận thức về chính trị
- C. Trình độ về chính trị
- D. Khả năng về chính trị

Câu 35. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động khắc phục mọi khó khăn, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện là thực hiện quan điểm:

- A. Tự lực tự cường xây dựng lực lượng vũ trang
- B. Ý chí quyết tâm xây dựng lực lượng vũ trang
- C. Tự lực cánh sinh xây dựng lực lượng vũ trang
- D. Tự chủ, tự cường xây dựng lực lượng vũ trang

Câu 36: Theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin thì “chính trị tinh thần” là yếu tố giữ vai trò quyết định đến:

- A. Sức mạnh của quân đội
- B. Sức mạnh của Nhà nước
- C. Sức mạnh của Đảng
- D. Sức mạnh của toàn dân

Câu 37. Vấn đề cơ bản hàng đầu trong nhiệm vụ xây dựng quân đội của Đảng ta là:

- A. Xây dựng quân đội cách mạng
- B. Xây dựng quân đội trung thành
- C. Xây dựng quân đội hùng mạnh
- D. xây dựng quân đội tinh nhuệ

Câu 38. Câu nói “đi dân nhớ, ở dân thương” phản ánh chức năng đội quân công tác của quân đội, là hiệu quả của:

- A. Công tác dân vận
- B. Công tác tuyên truyền
- C. Công tác binh vận
- D. Công tác quần chúng

Câu 39. Điều kiện tiên quyết bảo đảm cho lực lượng vũ trang nhân dân luôn giữ vững bản chất cách mạng là:

- A. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
- B. Thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng
- C. Giữ vững và tăng cường đoàn kết quân dân
- D. Chăm lo đời sống vật chất tinh thần

Câu 40. Đảng không nhường hoặc chia sẻ quyền lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân cho bất cứ giai cấp, tổ chức, lực lượng nào đối với lực lượng vũ trang là bảo đảm nguyên tắc:

- A. Đảng lãnh đạo tuyệt đối
- B. Đảng lãnh đạo trực tiếp
- C. Đảng lãnh đạo toàn diện
- D. Đảng lãnh đạo độc tôn

Câu 41. Câu nói “Dân quân tự vệ và du kích là một lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc, vô luận kẻ thù hung bạo thế nào, hễ đụng đến lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã.” của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã:

- A. Đánh giá đúng đắn vai trò của dân quân tự vệ
- B. Ca ngợi ý chí sắt đá của dân quân tự vệ
- C. Biểu dương sức mạnh của dân quân tự vệ
- D. Đánh giá khả năng to lớn của dân quân tự vệ

Câu 42. “Kiên định mục tiêu lý tưởng XHCN, vững vàng trước mọi khó khăn thử thách, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao” là nội dung của:

- A. Xây dựng quân đội, công an cách mạng
- B. Giáo dục chính trị tư tưởng cho quân đội
- C. Tình hình của lực lượng vũ trang ta
- D. Xây dựng quân đội, công an tinh nhuệ

Câu 43. “Đảm bảo lực lượng vũ trang luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi”, là nội dung của:

- A. Quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
- B. Đặc điểm, nguyên tắc chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
- C. Yêu cầu chủ yếu cần tập trung xây dựng lực lượng vũ tranh nhân dân
- D. Biện pháp chủ yếu vận dụng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

Câu 44. “Thống nhất về quan điểm tư tưởng quân sự, về nghệ thuật quân sự, về phương pháp huấn luyện, giáo dục”, là nội dung của:

- A. Xây dựng quân đội, công an chính quy
- B. Xây dựng quân đội, công an cách mạng
- C. Giáo dục quân sự cho quân đội, công an

D. Yêu cầu xây dựng quân đội chính quy

Câu 45. “Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, được huấn luyện và quản lý tốt, đảm bảo khi cần thiết có thể động viên nhanh theo kế hoạch”, là nội dung của:

- A. Phương hướng xây dựng lực lượng dự bị động viên
- B. Mục đích xây dựng lực lượng dự bị động viên
- C. Yêu cầu xây dựng lực lượng dự bị động viên
- D. Biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên

Câu 46. “Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, năng lực tốt”, là nội dung của:

- A. Biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang
- B. Yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang
- C. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang
- D. Quan điểm xây dựng lực lượng vũ trang

Câu 47. “Tích cực phát triển kinh tế và thực hành tiết kiệm”, là nội dung của quan điểm nguyên tắc:

- A. Tự lực, tự cường xây dựng lực lượng vũ trang
- B. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu trong chiến tranh
- C. Kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh
- D. Chủ động chuẩn bị trong chiến tranh nhân dân

Câu 48. “Quân đội, công an phải có tinh thần đoàn kết quân dân, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quốc tế tốt”, là nội dung của:

- A. Xây dựng quân đội, công an cách mạng
- B. Giáo dục chính trị cho công an, quân đội
- C. Xây dựng quân đội, công an chính quy
- D. Yêu cầu xây dựng quân đội, công an

Câu 49. “Bảo đảm lực lượng vũ trang nhân dân luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi” là một quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng ta, quan điểm nguyên tắc này phản ánh:

- A. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân
- B. Tính chủ động đối phó kịp thời với kẻ địch đang luôn tìm cách phá hoại ta
- C. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân
- D. Yêu cầu nhiệm vụ thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân

Câu 50. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo “tuyệt đối” lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam được thể hiện:

- A. Đảng không nhường, hoặc chia sẻ quyền lãnh đạo cho bất cứ giai cấp, lực lượng, tổ chức nào
- B. Đảng không chia quyền lãnh đạo lực lượng vũ trang cho bất cứ ai trong thời bình và thời chiến
- C. Đảng chia sẻ quyền lãnh đạo lực lượng vũ trang cho giai cấp khác khi đất nước khó khăn
- D. Đảng sẽ nhường quyền lãnh đạo lực lượng vũ trang cho đảng phái khác khi có chiến tranh

Câu 51. Mâu thuẫn chủ yếu hiện nay và những năm tới trong xây dựng lực lượng vũ trang là:

- A. Nhu cầu đầu tư cho quốc phòng, an ninh, cho xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng lớn và cấp thiết, nhưng khả năng của nền kinh tế, ngân sách Nhà nước còn rất hạn hẹp
- B. Yêu cầu phải làm chủ trang bị vũ khí hiện đại, nhưng trình độ quản lý, khai thác và sử dụng của cán bộ, chiến sỹ còn hạn chế
- C. Nhu cầu đầu tư cho xây dựng công trình quốc phòng, an ninh, tăng cường chất lượng huấn luyện rất lớn, nhưng ngân sách và cơ sở vật chất còn hạn hẹp
- D. Yêu cầu đòi hỏi chất lượng cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật rất cao, nhưng chất lượng đào tạo, huấn luyện còn hạn chế

Câu 52. Trận đánh đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam sau khi thành lập là:

- A. Phai Khắt
- B. Đông Khê
- C. Chợ Đồn
- D. Chợ Rã

Câu 53. Trong những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, việc chấn chỉnh tổ chức biên chế đối với các đơn vị bộ đội chủ lực là tổ chức các đơn vị phải:

- A. Gọn, mạnh, cơ động, có sức chiến đấu cao
- B. Có số lượng hợp lý, chất lượng cao
- C. Phù hợp với chức năng nhiệm vụ
- D. Gắn với nhiệm vụ trong khu vực phòng thủ

Câu 54. Xây dựng quân đội từng bước hiện đại, nghĩa là:

- A. Bằng khả năng của nền kinh tế và trình độ khoa học của đất nước để đưa quân đội từng bước tiến lên hiện đại
- B. Tùy thuộc vào khả năng của nền kinh tế và phát triển của quân đội mà từ từ đưa quân đội tiến lên hiện đại
- C. Bằng trình độ khoa học của đất nước và khả năng công nghiệp quốc phòng mà lần lượt hiện đại các đơn vị quân đội
- D. Dựa vào khả năng của công nghiệp quốc phòng và trình độ khoa học của quân đội từ từ đưa quân đội lên hiện đại

Câu 55. Xây dựng các tổ chức Đảng trong lực lượng vũ trang nhân dân trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức là để:

- A. Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang
- B. Bảo đảm cho lực lượng vũ trang có sức mạnh chiến đấu toàn diện
- C. Giữ vững lòng trung thành của quân đội đối với Đảng, với nhân dân
- D. Bảo đảm cho lực lượng vũ trang có ý chí quyết chiến, quyết thắng

Câu 56. Quân đội chính quy là phải:

- A. Luôn luôn thống nhất ý chí và hành động
- B. Thường xuyên thống nhất mọi hoạt động
- C. Luôn luôn duy trì tốt mọi chế độ hoạt động
- D. Duy trì thường xuyên nề nếp hoạt động

Câu 57. Thực trạng của Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay:

- A. Đã hoàn thành tốt cả ba chức năng
- B. Giải quyết được tình huống phức tạp
- C. Chưa đáp ứng được yêu cầu hiện nay
- D. Trình độ sẵn sàng chiến đấu còn yếu

Câu 58. “Xây dựng quân đội, công an cách mạng” trong phương hướng xây dựng quân đội, công an của Đảng ta là:

- A. Vấn đề cơ bản hàng đầu trong mọi giai đoạn cách mạng
- B. Nội dung quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc
- C. Vấn đề cần quan tâm trong xây dựng lực lượng vũ trang
- D. Nhiệm vụ quan trọng trong các thời kỳ cách mạng

Câu 59. Lá cờ của quân đội nhân dân Việt Nam (Quân kỳ) mang dòng chữ:

- A. Quyết chiến quyết thắng
- B. Quyết đánh quyết thắng
- C. Quyết chiến thành công
- D. Anh hùng quyết thắng

BÀI 6 (74 Câu)

Câu 1. Quốc phòng là công việc giữ nước của một quốc gia, nhằm mục đích:

- A. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tạo môi trường thuận lợi để xây dựng đất nước
- B. Bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng
- C. Bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động
- D. Bảo vệ chính quyền, chống lại mọi âm mưu thủ đoạn chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động

Câu 2. Hoạt động an ninh của một quốc gia là để bảo đảm:

- A. Đất nước trạng thái ổn định an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm đe dọa sự tồn tại và phát triển
- B. Đất nước ổn định, bình yên, tính mạng và tài sản nhân dân được bảo vệ, xã hội không ngừng phát triển
- C. Đất nước an toàn, xã hội trật tự không bị rối loạn, mọi người được sống bình yên, xã hội tồn tại và phát triển
- D. Đất nước thanh bình, xã hội có trật tự kỷ cương, mọi người được an toàn, xã hội tồn tại và phát triển

Câu 3. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN ở nước ta hiện nay là:

- A. Hoạt động tích cực, chủ động của Nhà nước và nhân dân trong việc gắn kết chặt chẽ hoạt động kinh tế-xã hội, QPAN trong một chỉnh thể thống nhất
- B. Hành động của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng thực hiện thống nhất các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại
- C. Hoạt động tích cực của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân thực hiện trên phạm vi cả nước gắn kết các hoạt động lại với nhau một cách thống nhất
- D. Việc làm một cách chủ động của nhà nước điều hành thực hiện thống nhất, chặt chẽ các hoạt động kinh tế - xã hội, QPAN trên cả nước

Câu 4. Tác động tích cực của quốc phòng, an ninh đối với kinh tế là:

- A. Tạo môi trường hòa bình, ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế phát triển
- B. Tiêu thụ nhiều sản phẩm của kinh tế, tạo điều kiện kích thích tăng trưởng kinh tế
- C. Tiêu dùng của quốc phòng, an ninh sẽ là thị trường cho kinh tế tiêu thụ sản phẩm
- D. Lực lượng thực hiện nghĩa vụ quân sự, khi hoàn thành sẽ là nguồn lao động tốt

Câu 5. Đối với một quốc gia, hoạt động kinh tế là:

- A. Hoạt động cơ bản, thường xuyên, gắn liền với sự tồn tại và phát triển
- B. Hoạt động chủ yếu làm cho quốc gia luôn luôn tồn tại và phát triển
- C. Hoạt động cơ bản, thường xuyên, quyết định tất cả mọi hoạt động khác
- D. Hoạt động quan trọng không thể thiếu được trong quá trình tồn tại

Câu 6. “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của nhà nước, của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN” là một trong những nội dung của:

- A. Giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp kinh tế-xã hội với QPAN
- B. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế với QPAN
- C. Đặc điểm của việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với QPAN
- D. Yêu cầu đối với việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với QPAN

Câu 7. Một trong những văn bản quy phạm pháp luật là cơ sở để thực hiện kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN là:

- A. Nghị định 119/2004/NĐ-CP

- B. Nghị định 116/2007/NĐ-CP
- C. Chỉ thị 18/2000/CT-TTg
- D. Chỉ thị 12-CT/TW

Câu 8. Kinh tế, quốc phòng, an ninh có mối quan hệ, tác động qua lại lẫn nhau, trong đó:

- A. Kinh tế quyết định đến quốc phòng, an ninh
- B. Quốc phòng, an ninh không phụ thuộc vào kinh tế
- C. Quốc phòng an ninh dựa vào sự phát triển kinh tế
- D. Kinh tế tác động tích cực đến quốc phòng, an ninh

Câu 9. Kinh tế quyết định đến quốc phòng, an ninh, trong đó có quyết định đến việc:

- A. Cung cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực cho hoạt động quốc phòng, an ninh
- B. Bảo đảm vật chất, trang bị vũ khí hiện đại cho hoạt động quốc phòng, an ninh
- C. Cung cấp nguồn nhân lực và tổ chức bố trí lực lượng vũ trang nhân dân
- D. Tổ chức bố trí lực lượng và cơ sở vật chất kỹ thuật cho quốc phòng, an ninh

Câu 10. Kinh tế, quốc phòng, an ninh mỗi lĩnh vực đều có quy luật phát triển đặc thù, do đó việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN phải thực hiện một cách:

- A. Khoa học, hợp lý, cân đối và hài hòa
- B. Khoa học, hài hòa, cân đối và chặt chẽ
- C. Cụ thể, khoa học, thống nhất và cân đối
- D. Chặt chẽ, cụ thể, cân đối và hài hòa

Câu 11. Kinh tế, quốc phòng, an ninh có mối quan hệ với nhau, trong đó:

- A. QPAN tác động trở lại kinh tế-xã hội cả tích cực và tiêu cực
- B. Kinh tế tác động ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của QPAN
- C. QPAN chỉ tác động tích cực là chủ yếu đến kinh tế-xã hội
- D. Kinh tế tác động cả tích cực và tiêu cực đến sự phát triển QPAN

Câu 12. “Hoạt động QPAN có thể dẫn đến hủy hoại môi trường sinh thái” là một trong những tác động:

- A. Tiêu cực của QPAN đối với kinh tế-xã hội
- B. Ảnh hưởng của QPAN đến kinh tế-xã hội
- C. Sâu sắc của QPAN đến kinh tế-xã hội
- D. Tích cực của QPAN đến kinh tế-xã hội

Câu 13. Trong kháng chiến chống Pháp, Đảng ta chủ trương “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc” là thực hiện đúng đắn:

- A. Kết hợp kinh tế với quốc phòng
- B. Kết hợp kinh tế với quân sự
- C. Kết hợp tiền tuyến với hậu phương
- D. Kết hợp chiến đấu với sản xuất

Câu 14. Bản chất của chế độ kinh tế-xã hội quyết định đến:

- A. Bản chất của QPAN
- B. Mục tiêu của QPAN
- C. Tính chất của QPAN
- D. Mục đích của QPAN

Câu 15. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN đối với nước ta là:

- A. Một tất yếu
- B. Rất cần thiết
- C. Một yêu cầu

D. Rất quan trọng

Câu 16. Ông cha ta đã thể hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng bằng kế sách:

- A. Ngụ binh ư nông
- B. Ngụ nông ư binh
- C. Nông binh cư ngụ
- D. Ngụ binh công nông

Câu 17. Kinh tế, quốc phòng, an ninh là ba mặt hoạt động cơ bản nhất của một quốc gia, mỗi lĩnh vực có mục đích, cách thức hoạt động riêng và chịu sự chi phối của:

- A. Hệ thống quy luật riêng
- B. hệ thống quy tắc riêng
- C. Hệ thống quy luật chung
- D. Hệ thống pháp quy chung

Câu 18. Kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam đã có:

- A. Từ lâu đời
- B. Thời phong kiến
- C. Khi chống Pháp
- D. Thời chống Mỹ

Câu 19. Đối với vùng kinh tế trọng điểm, hiện nay nước ta xác định:

- A. 4 vùng kinh tế trọng điểm
- B. 3 vùng kinh tế trọng điểm
- C. 5 vùng vùng kinh tế
- D. 6 vùng kinh tế trọng điểm

Câu 20. Trên thế giới việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh được thực hiện ở:

- A. Tất cả các nước
- B. Những nước nghèo
- C. Các nước phát triển
- D. Những nước giàu

Câu 21. Trong kháng chiến chống Mỹ, việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN ở nước ta đã thể hiện trong việc xác định:

- A. Miền Bắc là hậu phương, miền Nam là tiền tuyến
- B. Miền Bắc là căn cứ, miền Nam là chiến trường
- C. Miền Bắc xây dựng, miền Nam chiến đấu
- D. Miền Bắc chống Mỹ, miền Nam diệt ngụy

Câu 22. Một trong những đặc điểm đối với vùng kinh tế trọng điểm là:

- A. Mật độ dân cư, tính chất đô thị hóa cao
- B. Tính chất phức tạp bởi đô thị hóa cao
- C. Dân cư đông đúc, an ninh phức tạp
- D. Dân số đông, đô thị phát triển nhanh

Câu 23. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta phải kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN là để:

- A. Thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược
- B. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- C. Bảo vệ mọi thành quả cách mạng đã đạt được
- D. Giữ vững hòa bình, bảo vệ cuộc sống nhân dân

Câu 24. Kinh tế quyết định đến quốc phòng, an ninh, trong đó có:

- A. Quyết định đến việc cung cấp số lượng, chất lượng nguồn nhân lực cho quốc phòng, an ninh
- B. Cung cấp cơ sở vật chất, vũ khí, trang bị chiến đấu cho các lực lượng vũ trang nhân dân
- C. Bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất kỹ thuật cho mọi hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân
- D. Quyết định việc tổ chức khu vực phòng thủ, cơ sở vật chất kỹ thuật cho quân đội, công an nhân dân

Câu 25. Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN, chúng ta phải thực hiện biện pháp:

- A. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong thời kỳ mới
- B. Mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế về kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, quốc phòng, an ninh
- C. Tổ chức biên chế và bố trí lực lượng vũ trang phải phù hợp với điều kiện kinh tế và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc
- D. Coi trọng giáo dục bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài của đất nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng phát triển kinh tế-xã hội

Câu 26. Ông cha ta xưa kia đã thực hiện kế sách “động vi binh, tĩnh vi dân” nghĩa là:

- A. Khi có chiến tranh là người lính chiến đấu, đất nước hòa bình là người dân phát triển kinh tế
- B. Khi đất nước bình yên người dân luôn làm người lính sẵn sàng chiến đấu
- C. Khi đất nước có loạn người lính cũng làm người dân phát triển kinh tế
- D. Khi đất nước chiến tranh hoặc hòa bình mọi người đều phải làm người dân và người lính

Câu 27. Kinh tế quyết định đến QPAN, trong đó có nội dung:

- A. Quyết định đến nguồn gốc ra đời, sức mạnh của quốc phòng, an ninh
- B. Quyết định việc cung ứng vật chất cho quốc phòng, an ninh
- C. Quyết định đến tổ chức nguồn nhân lực cho quốc phòng, an ninh
- D. Quyết định việc cung cấp kỹ thuật, công nghệ cho quốc phòng, an ninh.

Câu 28. Chủ trương của Đảng ta đã từng thực hiện trong kháng chiến chống Pháp về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh là:

- A. Vừa kháng chiến vừa kiến quốc
- B. Kết hợp chiến đấu với xây dựng
- C. Kết hợp sản xuất với thực hành tiết kiệm
- D. Vừa xây dựng làng xã vừa kháng chiến

Câu 29. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trước hết phải kết hợp trong:

- A. Xác định chiến lược phát triển kinh tế-xã hội
- B. Chiến lược phát triển công nghiệp hóa - hiện đại hóa .
- C. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực hiện đại hóa đất nước
- D. Xác định chiến lược phát triển khoa học và công nghệ

Câu 30. Đối với các vùng kinh tế trọng điểm, việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN phải nhằm:

- A. Đáp ứng phục vụ nhu cầu dân sinh thời bình và chuẩn bị đáp ứng nhu cầu chi viện cho các chiến trường khi chiến tranh xảy ra
- B. Đáp ứng phục vụ yêu cầu phòng thủ ở từng tỉnh, thành phố trong thời bình và chuẩn bị để đáp ứng cho cả thời chiến
- C. Đáp ứng phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh và phòng thủ trong thời bình, đồng thời dự trữ chuẩn bị chi viện cho thời chiến
- D. Phát triển kinh tế phải đáp ứng phục vụ thỏa mãn đầy đủ nhu cầu dân sinh và nhu cầu của quân sự

Câu 31. Trong kháng chiến chống Mỹ, Đảng đã đề ra chủ trương: “Trong xây dựng kinh tế, phải thấu suốt nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, cũng như trong củng cố quốc phòng phải khéo sắp xếp cho ăn khớp với công cuộc xây dựng kinh tế”, chủ trương đó được triển khai thực hiện:

- A. Ở miền Bắc
- B. Trên cả nước
- C. Ở miền Nam
- D. Ở miền Trung

Câu 32. Đối với các vùng lãnh thổ, các tỉnh, thành phố, việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trước hết cần phải:

- A. Kết hợp trong xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể
- B. Kết hợp quy hoạch phát triển dân cư và khu công nghiệp
- C. Kết hợp trong quy hoạch tổng thể và cụ thể
- D. Kết hợp trong quy hoạch xây dựng các khu kinh tế

Câu 33. Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QPAN đối với vùng núi biên giới là cực kỳ quan trọng, vì vùng núi biên giới là:

- A. Vùng có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc
- B. Nơi dân cư đời sống còn nhiều khó khăn, kinh tế chậm phát triển
- C. Khu vực trọng điểm của chiến lược “Diễn biến hòa bình”
- D. Vùng hậu phương chiến lược của cả nước nếu chiến tranh xảy ra

Câu 34. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN ở vùng biển, đảo cần phải:

- A. Phát triển các loại hình dịch vụ trên biển, đảo, tạo điều kiện cho dân bám trụ, sinh sống, làm ăn
- B. Có cơ chế chính sách thỏa đáng để động viên ngư dân đầu tư tàu thuyền đánh bắt xa bờ
- C. Phát triển các tập thể, các đội tàu thuyền đánh cá để có điều kiện xây dựng, lực lượng dân quân
- D. Có cơ chế chính sách thỏa đáng để ngư dân yên tâm bám biển, bám làng xây dựng hậu phương

Câu 35. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong công nghiệp sẽ làm cơ sở cho:

- A. Phát triển công nghiệp quốc phòng
- B. Phát triển ngành sản xuất vũ khí
- C. Phát triển sản xuất trang bị quốc phòng
- D. Phát triển sản xuất thiết bị quốc phòng

Câu 36. Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong công nghiệp là kết hợp:

- A. Trong quy hoạch công nghiệp quốc phòng và xây dựng khu vực phòng thủ
- B. Từ khi thực hiện xây dựng các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất
- C. Trong khâu quy hoạch, bố trí các khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung
- D. Từ khi quy hoạch bố trí các đơn vị kinh tế của các ngành công nghiệp

Câu 37. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN được biểu hiện trong lĩnh vực quân sự là:

- A. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu
- B. Tăng lực lượng dân phòng, giảm quân số thường trực
- C. Tăng lực lượng thường trực, giảm lực lượng dự bị
- D. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ hùng hậu

Câu 38 Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta xác định, để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, chúng ta phải kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN vào:

- A. Trong một chỉnh thể thống nhất

- B. Trong phạm vi cả nước
- C. Trên từng khu vực chiến lược
- D. Trên từng lĩnh vực xã hội

Câu 39. “Xây dựng các xã trọng điểm về kinh tế, quốc phòng, an ninh” là một trong những nội dung kết hợp kinh tế, quốc phòng, an ninh đối với:

- A. Vùng núi, biên giới
- B. Vùng trọng điểm kinh tế
- C. Vùng trọng điểm quốc phòng
- D. Vùng đồng bằng, ven biển

Câu 40. “Giải quyết tốt các vấn đề xã hội” là nội dung cần chú trọng khi kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với củng cố QPAN trong:

- A. Nông , lâm, ngư nghiệp
- B. Các khu công nghiệp
- C. Các khu vực phòng thủ
- D. Nông, công nghiệp

Câu 41. Khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt của đất nước thường có:

- A. Vùng kinh tế trọng điểm
- B. Vùng tập trung công nghiệp
- C. Khu chế xuất công nghiệp
- D. Khu kinh tế tập trung

Câu 42. “Tôn trọng độc lập, chủ quyền, hợp tác bình đẳng cùng có lợi và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau” là nguyên tắc của kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường QPAN trong:

- A. Lĩnh vực đối ngoại
- B. Lĩnh vực ngoại giao
- C. Hoạt động đối ngoại
- D. Hoạt động ngoại giao

Câu 43. “QPAN vững mạnh sẽ tạo môi trường hòa bình, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế-xã hội” là sự tác động trở lại với kinh tế ở góc độ:

- A. Tích cực
- B. Hiệu quả
- C. Cần thiết
- D. Tiêu cực

Câu 44. Hoạt động QPAN tiêu tốn đáng kể một phần nguồn nhân lực, vật lực, tài chính của xã hội, những tiêu dùng này như V.I.Lênin đánh giá là:

- A. Tiêu dùng mất đi
- B. Tiêu dùng ảnh hưởng
- C. Tiêu dùng thiệt hại
- D. Tiêu dùng bất lợi

Câu 45. “Đầu tư chương trình đánh bắt xa bờ” là một trong những nội dung kết hợp kinh tế, quốc phòng, an ninh đối với:

- A. Vùng biển, đảo
- B. Chính sách xã hội
- C. Dân quân vùng biển
- D. Vùng ngư dân khó khăn

Câu 46. “Mật độ dân cư, tính chất đô thị hóa cao” là một trong những đặc điểm của:

- A. Vùng kinh tế trọng điểm
- B. Vùng quốc phòng trọng điểm
- C. Vùng dân cư trọng điểm
- D. Vùng an ninh trọng điểm

Câu 47. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong công nghiệp, chúng ta cần kết hợp đầu tư nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất các sản phẩm có:

- A. Tính lưỡng dụng cao trong các cơ sở công nghiệp nặng
- B. Công nghệ hiện đại, khoa học tiên tiến trong nhà máy
- C. Tính hữu dụng cao, trong các ngành công nghiệp nặng
- D. Khả năng xuất khẩu cao, thiết thực, hiệu quả lâu dài

Câu 48. Đối tượng trước tiên phải tập trung bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm, kết hợp phát triển kinh tế xã hội với quốc phòng an ninh là đội ngũ cán bộ:

- A. Chủ trì các cấp, các bộ, ngành, đoàn thể từ trung ương đến cơ sở
- B. Cấp tỉnh, bộ, ngành và tương đương từ trung ương đến địa phương
- C. Cấp xã, phường đến huyện, quân và tương đương ở các tỉnh, thành phố
- D. Giảng viên, viên chức, học sinh, sinh viên trong hệ thống nhà trường

Câu 49. Để thực hiện tốt việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN cần quán triệt và thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó phải quán triệt sâu sắc:

- A. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam cho toàn dân
- B. Tính tất yếu khách quan của việc kết hợp kinh tế với quốc phòng
- C. Đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
- D. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

Câu 50. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong bưu chính viễn thông cần phải xây dựng:

- A. Kế hoạch động viên thông tin liên lạc cho thời chiến
- B. Phương án phòng chống chiến tranh điện tử của địch
- C. Kế hoạch bảo đảm chống nhiễu cho thiết bị, phương tiện
- D. Phương thức phòng chống chiến tranh tâm lý của địch

Câu 51. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh trong giao thông vận tải cần phải tính đến:

- A. Cả nhu cầu hoạt động thời bình và thời chiến
- B. Khả năng bảo vệ khi địch đánh phá
- C. Nhu cầu bảo đảm cho vận tải quân sự
- D. Khả năng cơ động cho quân sự và dân sự

Câu 52. Kinh tế, quốc phòng, an ninh là những lĩnh vực hoạt động cơ bản của mỗi quốc gia, mỗi lĩnh vực có mục đích, cách thức hoạt động và quy luật riêng, song giữa chúng lại có:

- A. Mọi quan hệ tác động qua lại lẫn nhau
- B. Những quan hệ trong cách thức hoạt động
- C. Mọi quan hệ mật thiết, hiểu biết với nhau
- D. Quan hệ ít tác động qua lại lẫn nhau

Câu 53. Kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh, ông cha ta ngày xưa đã thực hiện kế sách:

- A. Động vi binh, tĩnh vi dân
- B. Động vi dân, tĩnh vi binh
- C. Động vi binh, tĩnh vi thương
- D. Động vi thương, tĩnh vi dân

Câu 54. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong nông, lâm, ngư

ngành cần chú trọng:

- A. Giải quyết tốt vấn đề xã hội
- B. Phát triển khoa học, công nghệ
- C. Giải quyết tốt vấn đề văn hóa
- D. Phát triển thông tin tuyên truyền

Câu 55. Từ khi cả nước thống nhất đi lên CNXH, kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN ở nước ta đã được:

- A. Triển khai trên quy mô rộng lớn, toàn diện hơn
- B. Chú trọng triển khai trên khắp lãnh thổ đất nước
- C. Triển khai rộng lớn khắp mọi miền của Tổ quốc
- D. Tập trung triển khai một cách toàn diện hơn

Câu 56. Việc xác lập cơ chế chính sách, bảo đảm ngân sách cho phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN cần được xây dựng theo quan điểm:

- A. Quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Chiến tranh nhân dân, an ninh Tổ quốc
- C. Quốc phòng luôn gắn liền với an ninh
- D. An ninh quốc gia, quốc phòng toàn quốc

Câu 57. Vùng kinh tế trọng điểm của nước ta thường:

- A. Nằm trong khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt
- B. Thuộc vùng phòng thủ then chốt của khu vực phòng thủ
- C. Nằm ngoài khu vực phòng thủ và phòng thủ cơ động
- D. Không thuộc khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt

Câu 58. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong công nghiệp phải tập trung một số:

- A. Ngành công nghiệp liên quan đến quốc phòng, an ninh
- B. Nhà máy chuyên sản xuất phục vụ quốc phòng, an ninh
- C. Ngành công nghiệp có khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao
- D. Doanh nghiệp lớn có thể phục vụ cho quốc phòng, an ninh

Câu 59. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong nông, lâm, ngư nghiệp cần kết hợp phát triển dân cư với:

- A. Xây dựng làng, xã, huyện đảo vững mạnh
- B. Định canh định cư, ổn định đời sống nhân dân
- C. Xây dựng khu phố, làng xã văn hóa, an ninh
- D. Phát triển đồng đều các làng, xã, huyện đảo

Câu 60. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong phát triển các vùng lãnh thổ cần phải quan tâm chỉ đạo:

- A. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với xây dựng lực lượng, thế trận quốc phòng an ninh trên từng vùng lãnh thổ
- B. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng quần chúng trên các vùng lãnh thổ
- C. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp quốc phòng với xây dựng thế trận phòng thủ trên các vùng lãnh thổ
- D. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với xây dựng các tổ chức chính trị, tổ chức quần chúng trên các vùng lãnh thổ

Câu 61. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong công nghiệp, cần chú trọng:

- A. Những ngành có tính lưỡng dụng

- B. Phát triển đồng bộ các ngành
- C. Những ngành công nghệ cao
- D. Phát triển các ngành xuất khẩu

Câu 62. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong bưu chính viễn thông cần phải kết hợp chặt chẽ giữa:

- A. Các ngành bưu điện quốc gia với ngành thông tin quân đội, công an
- B. Ngành bưu điện quốc gia với các ngành kinh tế, xã hội khác
- C. Phát triển các kênh thông tin quốc gia với với các kênh liên lạc quốc tế
- D. Ngành bưu điện quốc gia với ngành công nghiệp điện tử

Câu 63. Trong xây dựng cơ bản, việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN cần phải thực hiện yêu cầu:

- A. Khi xây dựng công trình nào, ở đâu đều phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và có thể chuyển hóa phục vụ được cho quốc phòng, an ninh
- B. Các công trình trọng điểm, quy mô lớn phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và chuyển đổi công năng phục vụ quốc phòng, an ninh
- C. Các công trình ở các vùng núi, biên giới phải tính đến yếu tố vững chắc và có thể bảo đảm được cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
- D. Các công trình trong vùng kinh tế trọng điểm phải tính đến yếu tố tự phục vụ và có thể phục vụ được ngay cho quốc phòng, an ninh

Câu 64. Kết hợp phát triển kinh tế xã - hội với tăng cường củng cố QPAN trong khoa học, công nghệ và giáo dục cần phải:

- A. Phối kết hợp chặt chẽ và toàn diện hoạt động giữa các ngành khoa học và công nghệ then chốt của cả nước với các ngành khoa học của quốc phòng, an ninh
- B. Phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả nghiên cứu các đề tài khoa học quân sự với các dự án công nghệ và sản xuất các sản phẩm cho xã hội
- C. Thực hiện tốt phát triển khoa học công nghệ với khoa học giáo dục quốc phòng, an ninh một cách hợp lý, cân đối và hài hòa
- D. Thực hiện tốt chính sách ưu tiên cho cải cách, đổi mới cơ chế phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự, khoa học an ninh

Câu 65. Trong lĩnh vực y tế, việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN cần thực hiện:

- A. Xây dựng mô hình quân dân y kết hợp trên các địa bàn, đặc biệt là miền núi, biên giới, hải đảo
- B. Xây dựng mô hình nghiên cứu và ứng dụng khoa học chung cho cả quân và dân y nhất là ở thành phố
- C. Tổ chức cho tất cả các cơ sở quân y thực hiện việc khám, chữa bệnh rộng rãi cho toàn thể nhân dân
- D. Tổ chức các đội y tế quân dân y ở cơ sở để phục vụ nhân dân khám, chữa bệnh nhất là vùng biên giới

Câu 66. Sự phối hợp giữa hoạt động đối ngoại với kinh tế, quốc phòng, an ninh là:

- A. Một trong những nội dung cơ bản của chủ trương đối ngoại trong thời kỳ mới
- B. Một trong những nội dung để hội nhập kinh tế quốc tế trong thời kỳ mới
- C. Sự phối hợp một cách toàn diện phù hợp với xu thế toàn cầu hóa hiện nay
- D. Sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế

Câu 67. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong phát triển kinh tế, chúng ta phải:

- A. Kết hợp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với phát triển công nghiệp quốc phòng
- B. Phát triển công nghiệp dân dụng cùng với đẩy mạnh hiện đại hóa công nghiệp vũ khí quân sự

- C. Kết hợp đẩy mạnh hiện đại hóa công nghiệp quốc phòng với đẩy mạnh hiện đại hóa kinh tế
- D. Phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất hiện đại với hiện đại hóa công nghiệp quốc phòng

Câu 68. Để nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp trong việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN, đòi hỏi từng cấp phải:

- A. Làm đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật
- B. Năng động, sáng tạo theo thực tế của địa phương, bộ, ngành
- C. Vận dụng linh hoạt, nhanh chóng triển khai, thực hiện hiệu quả
- D. Thực hiện đầy đủ các thủ tục hướng dẫn theo đúng pháp luật

Câu 69. Tận dụng khả năng của công nghiệp quốc phòng trong thời bình để sản xuất hàng hóa dân sự phục vụ dân sinh và xuất khẩu là thực hiện sự kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong thực hiện nhiệm vụ:

- A. Chiến lược bảo vệ Tổ quốc
- B. Xây dựng CNXH
- C. Chiến lược xây dựng đất nước
- D. Xây dựng và bảo vệ quốc gia

Câu 70. Đối với các vùng kinh tế trọng điểm việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường QPAN cần thực hiện sự gắn kết xây dựng lực lượng QPAN, các tổ chức chính trị, đoàn thể trong quá trình:

- A. Xây dựng các khu công nghiệp tập trung
- B. Quy hoạch các khu đô thị công nghiệp
- C. Xây dựng các khu dân cư tập trung
- D. Quy hoạch đặc khu kinh tế, xã hội

Câu 71. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN đối với vùng rừng núi biên giới cần phải:

- A. Xây dựng các xã trọng điểm về kinh tế, quốc phòng, an ninh
- B. Tập trung phát triển mạnh về kinh tế, văn hóa, bảo vệ quốc phòng
- C. Xây dựng các xã trọng tâm về kinh tế, xã hội, an toàn an ninh
- D. Phát triển đồng đều cả ba mặt kinh tế, quốc phòng, an ninh

Câu 72. Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN ở vùng biển đảo là:

- A. Đầu tư chương trình đánh bắt xa bờ
- B. Phát triển chương trình đánh bắt vùng đảo
- C. Đầu tư chương trình đánh bắt vùng vịnh
- D. Phát triển các chương trình đánh bắt hải sản

Câu 73. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong giao thông vận tải cần quan tâm:

- A. Xây dựng các tuyến đường vành đai biên giới
- B. Phát triển mạng lưới giao thông hiện đại
- C. Xây dựng các tuyến đường ngang, dọc biển đảo
- D. Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông biên giới

Câu 74. Để kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN, chúng ta phải thực hiện giải pháp:

- A. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp cho các đối tượng
- B. Tuyên truyền, động viên, kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân tự giác thực hiện
- C. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm cho cán bộ các cấp ở cơ sở
- D. Phổ biến kiến thức, tuyên truyền vận động mọi cấp, mọi ngành tham gia

BÀI 7 (70 Câu)

Câu 1. Trong lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn bị các thế lực ngoại xâm nhòm ngó, xâm lược vì Việt Nam có:

- A. Vị trí địa lý thuận lợi
- B. Nhiều loại khoáng sản
- C. Nhiều phong cảnh đẹp
- D. Truyền thống quý báu

Câu 2. An Dương Vương thành lập nhà nước Âu Lạc, đã dời đô về:

- A. Cổ Loa
- B. Hoa Lư
- C. Thăng Long
- D. Lam Sơn

Câu 3. Một trong những cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam là:

- A. Truyền thống đánh giặc của tổ tiên
- B. Nghệ thuật quân sự của các nước láng giềng
- C. Đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác-Lênin
- D. Kinh nghiệm các cuộc chiến tranh trong khu vực

Câu 4. Chiến dịch nào sau đây là chiến dịch phản công?

- A. Chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông 1947
- B. Chiến dịch Quảng Trị 1972
- C. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954
- D. Chiến dịch Tây Nguyên 1975

Câu 5. Ba lần kháng chiến chống quân Nguyên của nhà Trần vào những năm nào?

- A. 1258, 1285 và 1287 - 1288
- B. 1058, 1075 và 1285 - 1286
- C. 1414, 1418 và 1284 - 1285
- D. 1256, 1284 và 1286 - 1287

Câu 6. Đảng ta đã chỉ đạo tiến hành chiến tranh với tinh thần:

- A. Tự lực cánh sinh, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính
- B. Tự lực tự cường và dựa vào bạn bè, kiên trì đánh lâu dài
- C. Tự lực cánh sinh, đánh lâu dài, dựa vào sức mạnh thời đại
- D. Dựa vào sức mình, tự lực tự cường, đánh chắc thắng

Câu 7. Cuộc khởi nghĩa đã chấm dứt hơn một nghìn năm Bắc thuộc, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập, tự chủ là cuộc khởi nghĩa của:

- A. Ngô Quyền năm 938
- B. Hai Bà Trưng năm 40
- C. Lý Bôn năm 542
- D. Mai Thúc Loan năm 722

Câu 8. Trong nghệ thuật quân sự Việt Nam, chiến dịch được hình thành từ thời kỳ kháng chiến:

- A. Chống thực dân Pháp
- B. Chống quân Mãn Thanh
- C. Chống quân Nguyên - Mông
- D. Chống đế quốc Mỹ

Câu 9. Chiến dịch Điện Biên Phủ, chúng ta đã thay đổi phương châm tác chiến chiến dịch từ:

- A. Đánh nhanh, thắng nhanh sang đánh chắc, tiến chắc

- B. Đánh nhanh, thắng nhanh sang đánh chậm, tiến chắc
- C. Đánh chậm, tiến chắc sang đánh nhanh, tiến chắc
- D. Đánh nhanh, tiến chắc sang đánh chắc, thắng chắc

Câu 10. “Địa lý, kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội” là các yếu tố tác động hình thành:

- A. Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của tổ tiên ta
- B. Nghệ thuật quân sự giữ nước của ông cha ta
- C. Nghệ thuật bảo vệ đất nước của tổ tiên ta
- D. Nghệ thuật dựng nước và giữ nước của cha ông ta

Câu 11. Một trong những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự Việt Nam được vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay là:

- A. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công
- B. Tích cực phòng ngự và chủ động phản công
- C. Quán triệt tư tưởng tích cực phòng thủ
- D. Tích cực tiến công kết hợp với phòng ngự

Câu 12. Lý luận và thực tiễn về chuẩn bị, thực hành chiến dịch và các hoạt động tác chiến tương đương là:

- A. Nghệ thuật chiến dịch
- B. Nghệ thuật chiến đấu
- C. Nghệ thuật đánh giặc
- D. Nghệ thuật tác chiến

Câu 13. Để bảo vệ được độc lập, cuộc sống và nền văn hóa của mình, ông cha ta chỉ có con đường duy nhất là:

- A. Đoàn kết đứng lên đánh giặc, giữ nước
- B. Phất cờ khởi nghĩa đánh giặc ngoại xâm
- C. Đoàn kết tướng sỹ, đứng lên đánh giặc
- D. Kêu gọi nhân dân, phất cờ khởi nghĩa

Câu 14. Triều đại phong kiến đã tiến hành cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai giành thắng lợi:

- A. Nhà Lý
- B. Nhà Lê
- C. Nhà Trần
- D. Nhà Hồ

Câu 15. Chiến dịch giành thắng lợi, kết thúc chiến tranh chống Pháp là:

- A. Chiến dịch Điện Biên Phủ
- B. Chiến dịch Biên giới
- C. Chiến dịch Đông xuân
- D. Chiến dịch Tây Bắc

Câu 16. Khởi nghĩa của Hai Bà Trưng diễn ra vào:

- A. Mùa xuân năm 40 sau Công nguyên
- B. Mùa xuân năm 40 trước Công nguyên
- C. Mùa hè năm 40 sau Công nguyên
- D. Mùa hè năm 40 trước Công nguyên

Câu 17. Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất thắng lợi do Triều đại phong kiến:

- A. Nhà Tiền Lê tiến hành
- B. Nhà Lý tiến hành
- C. Nhà Đinh tiến hành

D. Nhà Hồ tiến hành

Câu 18. Lý Thái Tổ đã ban chiếu dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long vào:

A. Năm 1010

B. Năm 1110

C. Năm 1012

D. Năm 1210

Câu 19. Nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc ở nước ta có từ thời:

A. Tổ tiên ta đánh giặc

B. Chống giặc Nguyên

C. Chống giặc Minh

D. Chống giặc Thanh

Câu 20. Hội nghị Diên Hồng xây dựng quyết tâm của dân tộc ta chống lại xâm lược của:

A. Quân Nguyên - Mông

B. Quân Tống

C. Quân Mãn Thanh

D. Quân Minh

Câu 21. Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 đối tượng tác chiến của dân tộc ta là:

A. Quân đội Pháp

B. Quân đội Anh

C. Quân đội Ấn Độ

D. Quân đội Nhật

Câu 22. “Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc” là một trong những nội dung của:

A. Chiến lược quân sự

B. Chiến dịch quân sự

C. Nghệ thuật chiến dịch

D. Nghệ thuật chiến lược

Câu 23. Đảng ta đã từng có một tư duy và nhận định chính xác trong đánh giá kẻ thù:

A. Mỹ giàu nhưng không mạnh

B. Mỹ rất giàu và rất mạnh

C. Mỹ tuy giàu nhưng rất yếu

D. Mỹ không giàu nhưng rất mạnh

Câu 24. Một trong những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự được vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới là:

A. Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc

B. Nghệ thuật quân sự chiến tranh toàn dân

C. Nghệ thuật quân sự đánh giặc toàn diện

D. Nghệ thuật quân sự cả nước đánh giặc

Câu 25. Trận đánh điển hình về kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công trên cả quy mô chiến lược và chiến dịch thời nhà Lý chống quân Tống là:

A. Trận phòng ngự Như Nguyệt

B. Trận phản công Chi Lăng

C. Trận phản công Ngọc Hồi

D. Trận phòng ngự Đống Đa

Câu 26. Chiến dịch phòng ngự của nghệ thuật quân sự Việt Nam được hình thành trong kháng chiến:

- A. Chống đế quốc Mỹ
- B. Chống quân Nguyên
- C. Chống thực dân Pháp
- D. Chống quân Tống

Câu 27. Cuộc kháng chiến chống quân Minh do nhà Hồ lãnh đạo thất bại là do:

- A. Nhà Hồ đã quá thiên về phòng thủ, không phát động được toàn dân đánh giặc
- B. Nhà Hồ quá thiên về tiến công, không lo phòng thủ từ xa.
- C. Nhà Hồ đã tích cực tiến công nhưng quân Minh quá mạnh
- D. Nhà Hồ đã chủ quan, không đề phòng cẩn mật, không phản công kịp thời

Câu 28. Nét đặc sắc và tất yếu trong nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta là:

- A. Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh
- B. Lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh
- C. Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít thắng nhiều, lấy yếu thắng mạnh
- D. Lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít thắng nhiều, lấy yếu chống mạnh

Câu 29. Trong kháng chiến chống quân Tống lần thứ hai, Lý Thường Kiệt sử dụng kế sách “tiên phát chế nhân” nghĩa là:

- A. Chủ động tiến công trước, đẩy kẻ thù vào thế bị động
- B. Chuẩn bị chu đáo chặn đánh kẻ thù khi mới xâm lược
- C. Chuẩn bị thế trận phòng thủ, đẩy địch vào thế bị động
- D. Chuẩn bị đầy đủ, chu đáo để giành thế chủ động đánh địch

Câu 30. Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta luôn thể hiện:

- A. Lấy thế thắng lực
- B. Lấy kế thắng lực
- C. Lấy mưu thắng lực
- D. Lấy chí thắng lực

Câu 31. Một trong những nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta là:

- A. Kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận
- B. Kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận, các chiến trường và chính sách ngoại giao
- C. Kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và dân vận
- D. Kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, kinh tế, ngoại thương và binh vận

Câu 32. Tư tưởng chỉ đạo tác chiến trong chiến tranh giữ nước của ông cha ta là:

- A. Nắm vững tư tưởng tiến công
- B. Nắm vững tư tưởng phòng ngự
- C. Nắm vững tư tưởng phòng thủ
- D. Nắm vững tư tưởng chiến thắng

Câu 33. Trong nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận thì mặt trận chính trị là:

- A. Cơ sở để tạo ra sức mạnh quân sự
- B. Mặt trận quyết định thắng lợi của chiến tranh
- C. Cơ sở để tạo sức mạnh trên khắp cả nước
- D. Mặt trận chủ yếu để phân hóa, cô lập kẻ thù

Câu 34. Trong nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận thì mặt trận quân sự là mặt trận:

- A. Quyết định thắng lợi trực tiếp của chiến tranh
- B. Quyết định sức mạnh chính trị tinh thần
- C. Chủ yếu để vận động làm tan rã hàng ngũ địch
- D. Chủ yếu để phân hóa, cô lập kẻ thù

Câu 35. Nội dung chủ yếu của chiến lược quân sự Việt Nam trước tiên phải:

- A. Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến
- B. Xác định đúng bạn bè, đúng đối tác chiến lược
- C. Xác định đúng kẻ thù, đúng âm mưu thủ đoạn
- D. Xác định đúng lực lượng, đúng vũ khí phương tiện

Câu 36. Quy luật của chiến tranh là mạnh được, yếu thua, nhưng ông cha ta đã sớm xác định đúng về sức mạnh chiến tranh, đó là:

- A. Sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố
- B. Đông quân thì thắng, ít quân thì thua
- C. Vũ khí hiện đại thì thắng, thô sơ thì thua
- D. Đoàn kết thì thắng, không đoàn kết thì thua

Câu 37. Tổng thể phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh thắng lợi là:

- A. Chiến lược quân sự
- B. Nghệ thuật bảo vệ Tổ quốc
- C. Nghệ thuật quân sự
- D. Chiến lược bảo vệ Tổ quốc

Câu 38. Nước ta rơi vào thảm họa nghìn năm Bắc thuộc sau cuộc kháng chiến chống xâm lược thất bại của:

- A. An Dương Vương chống Triệu Đà
- B. Vua Hùng và vua Thục Phán chống quân Tần
- C. Nhà Tiền Lê chống quân Tống lần thứ nhất
- D. Hai Bà Trưng chống quân Đông Hán

Câu 39. Lý luận và thực tiễn về tổ chức và thực hành chiến đấu của phân đội, binh đội, binh đoàn lực lượng vũ trang là:

- A. Chiến thuật
- B. Chiến đấu
- C. Chiến dịch
- D. Chiến tranh

Câu 40. “Chiến tranh nhân dân kết hợp giữa địa phương với các binh đoàn chủ lực, kết hợp chặt chẽ tiến công địch bằng hai lực lượng, bằng ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược” là nội dung của:

- A. Phương thức tiến hành chiến tranh
- B. Phương pháp tác chiến chiến lược
- C. Phương thức tác chiến chiến dịch
- D. Phương pháp tiến hành chiến đấu

Câu 41. “Tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao...”, đó là nội dung chỉ đạo của Đảng ta về:

- A. Phương châm tiến hành chiến tranh
- B. Phương pháp tiến hành chiến tranh
- C. Phương thức tiến hành chiến tranh
- D. Phương án tiến hành chiến tranh

Câu 42. “Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến” là nội dung của:

- A. Chiến lược quân sự
- B. Yêu cầu của chiến tranh
- C. Chiến dịch quân sự

D. Chỉ đạo chiến tranh

Câu 43. “Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời và mưu kế” là một trong những nội dung của:

- A. Bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự
- B. Bài học kinh nghiệm tiến hành chiến tranh
- C. Bài học kinh nghiệm giải phóng dân tộc
- D. Bài học kinh nghiệm tạo sức mạnh quân sự

Câu 44. Mưu kế đánh giặc của ông cha ta đã biến cả nước thành một chiến trường, tạo ra:

- A. Một thiên la, địa võng để diệt địch
- B. Những thế trận để đánh bại quân địch
- C. Một thiên thời, địa lợi để đánh địch
- D. Những khu vực diệt địch hiệu quả

Câu 45. Tiến hành chiến tranh toàn diện, tất cả các mặt trận đấu tranh phải kết hợp chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau và tạo điều kiện cho:

- A. Đấu tranh quân sự giành thắng lợi trên chiến trường
- B. Mặt trận chính trị giành thắng lợi về ý chí tinh thần
- C. Đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi trên trường quốc tế
- D. Mặt trận tư tưởng giành thắng lợi về ý chí quyết tâm

Câu 46. Tiến hành chiến tranh toàn diện, mặt trận nhằm cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân, quy tụ sức mạnh đoàn kết dân tộc, cơ sở tạo ra sức mạnh quân sự là:

- A. Mặt trận chính trị
- B. Mặt trận ngoại giao
- C. Mặt trận binh vận
- D. Mặt trận tuyên truyền

Câu 47. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 là loại hình:

- A. Chiến dịch tiến công
- B. Chiến dịch phản công
- C. Chiến dịch tổng hợp
- D. Chiến dịch phòng ngự

Câu 48. Nghệ thuật chiến dịch là bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự, khâu nối liền:

- A. Giữa chiến lược quân sự và chiến thuật
- B. Với các hoạt động quân sự và chính trị
- C. Giữa tiến công quân sự và nổi dậy
- D. Với các hoạt động tác chiến và binh vận

Câu 49. Tiến hành chiến tranh toàn diện, mặt trận có vị trí quan trọng, đề cao tính chính nghĩa của nhân dân ta, phân hóa, cô lập kẻ thù, tạo thế có lợi cho cuộc chiến là:

- A. Mặt trận ngoại giao
- B. Mặt trận chính trị
- C. Mặt trận văn hóa
- D. Mặt trận tư tưởng

Câu 50. Các yếu tố tác động hình thành nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta:

- A. Địa lý, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội
- B. Địa lý, chính trị đặc thù của đất nước ta
- C. Đặc điểm thuận lợi về kinh tế, địa lý
- D. Điều kiện địa lý tự nhiên và văn hóa dân tộc

Câu 51. Chiến dịch Biên giới năm 1950 trong kháng chiến chống Pháp là loại hình:

- A. Chiến dịch tiến công
- B. Chiến dịch phản công
- C. Chiến dịch phòng ngự
- D. Chiến dịch tổng hợp

Câu 52. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng:

- A. Truyền thống đánh giặc của ông cha, Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh
- B. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, vị trí địa lý thuận lợi, kinh tế, văn hóa phát triển
- C. Truyền thống đoàn kết, kiên cường bất khuất của ông cha, Chủ nghĩa Mác-Lênin
- D. Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa Mác-Lênin, kinh nghiệm chiến tranh thế giới

Câu 53. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc kháng chiến chống Mỹ và cũng là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam là loại hình:

- A. Chiến dịch tiến công
- B. Chiến dịch phản công
- C. Chiến dịch phòng ngự
- D. Chiến dịch tổng hợp

Câu 54. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ở những giai đoạn đầu, các chiến dịch diễn ra chủ yếu ở rừng núi, nhưng giai đoạn cuối đã:

- A. Diễn ra trên tất cả các địa hình
- B. Diễn ra ở các vùng đồng bằng
- C. Được tiến hành ở thành phố
- D. Được thực hiện tất cả các vùng

Câu 55. Ngày xưa, hễ kẻ thù đụng đến nước ta thì “vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước chung sức, trăm họ là binh” giữ vững quê hương, điều đó thể hiện rõ ông cha ta đã thực hiện:

- A. Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc
- B. Tinh thần đoàn kết, cả nước một lòng chống giặc ngoại xâm
- C. Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, kêu gọi toàn dân đánh giặc
- D. Nghệ thuật xây dựng lực lượng tiến hành chiến tranh nhân dân

Câu 56. Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, đây là thời điểm không thể lùi được nữa, thời điểm:

- A. Mở đầu chiến tranh chống Pháp
- B. Kêu gọi cả nước cùng ra trận
- C. Mở đầu cuộc trường chinh
- D. Toàn quốc đứng lên cầm súng

Câu 57. “Chiến tranh nhân dân kết hợp giữa địa phương với các binh đoàn chủ lực, kết hợp chặt chẽ tiến công địch bằng hai lực lượng chính trị, quân sự”, là nội dung của:

- A. Phương thức tiến hành chiến tranh
- B. Tư tưởng tiến hành chiến tranh
- C. Phương châm tiến hành chiến tranh
- D. Phương pháp tiến hành chiến tranh

Câu 58. Một nội dung của chiến lược quân sự mang tính nghệ thuật cao trong chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta:

- A. Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc
- B. Đánh chắc thắng trận mở đầu chiến dịch
- C. Vận dụng các hình thức chiến thuật hợp lý
- D. Phát triển cách đánh hiệp đồng binh chủng

Câu 59. Trong phương thức tiến hành chiến tranh, Đảng ta đã chỉ đạo:

- A. Tiến công địch bằng hai lực lượng, bằng ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược
- B. Tiến công địch bằng ba lực lượng, bằng hai mũi giáp công, trên cả các vùng chiến lược
- C. Tiến công địch bằng hai lực lượng, bằng bốn mũi giáp công, trên năm vùng chiến lược
- D. Tiến công địch bằng ba lực lượng, bằng ba mũi giáp công, trên cả bốn vùng chiến lược

Câu 60. Thời kỳ đầu của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, các hình thức chiến thuật thường vận dụng là:

- A. Tập kích, phục kích, vận động tiến công
- B. Phản công, phòng ngự, tập kích
- C. Vận động tiến công, tập kích đánh úp
- D. Phòng ngự, phục kích, phản kích

Câu 61. Một trong những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự Việt Nam được vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới là:

- A. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc mục tiêu
- B. Tích cực phòng ngự, tiêu diệt địch, đánh bại địch tiến công
- C. Kết hợp công kích tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc mục tiêu
- D. Tích cực phòng thủ, ngăn chặn tiêu diệt địch, bảo vệ mục tiêu

Câu 62. Trong chiến lược quân sự, Đảng ta đã chỉ đạo phương thức tiến hành chiến tranh là:

- A. Chiến tranh nhân dân kết hợp giữa địa phương với các binh đoàn chủ lực
- B. Chiến tranh nhân dân địa phương với các binh đoàn chủ lực cơ động
- C. Kết hợp tác chiến của bộ đội chủ lực với các hoạt động của địa phương
- D. Kết hợp chiến tranh du kích địa phương với tác chiến của bộ đội chủ lực

Câu 63. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược của Triệu Đà do An Dương Vương lãnh đạo thất bại vào những năm:

- A. 184 đến 179 trước công nguyên
- B. 194 đến 197 trước công nguyên
- C. 184 đến 179 sau công nguyên
- D. 194 đến 197 sau công nguyên

Câu 64. Kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh của triều đại Tây Sơn vào những năm:

- A. 1788 - 1789
- B. 1784 - 1785
- C. 1878 - 1879
- D. 1786 - 1788

Câu 65. Chiến thuật hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta, sự phát triển đó là kết quả chỉ đạo của:

- A. Chiến lược, chiến dịch
- B. Đảng, Nhà nước
- C. Nhà nước, Bộ Quốc phòng
- D. Đường lối chiến tranh

Câu 66. Giai đoạn cuối của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, các hình thức chiến thuật mới xuất hiện là:

- A. Phòng ngự, truy kích, đánh địch đổ bộ đường không
- B. Phục kích, tập kích, vận động tiến công địch ngoài công sự
- C. Tập kích, tiến công cứ điểm, bao vây kết hợp phòng ngự
- D. Phòng ngự, vận động tiến công kết hợp chốt giữ mục tiêu

Câu 67. Do yêu cầu của chiến lược và chiến dịch, là phải giữ vững vùng giải phóng nên chiến thuật phòng ngự xuất hiện trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ vào:

- A. Giai đoạn cuối
- B. Giai đoạn đầu
- C. Giai đoạn giữa
- D. Giai đoạn kết thúc

Câu 68. *“Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm, ông cha ta đã đánh giá đúng kẻ thù, chủ động đề ra kế sách đánh, phòng, khẩn trương chuẩn bị lực lượng kháng chiến, tìm mọi biện pháp làm cho địch suy yếu, tạo ra thế và thời cơ có lợi để tiến hành phản công và tiến công”, tư tưởng đó thể hiện ông cha ta luôn:*

- A. Nắm vững tư tưởng tiến công
- B. Giành quyền tích cực, chủ động
- C. Nắm vững tư tưởng phản công
- D. Giành quyền tiến công, phản công

Câu 69. Trong nghệ thuật quân sự Việt Nam, một chiến dịch thường diễn ra:

- A. Nhiều trận đánh, có trận đánh then chốt
- B. Chỉ một trận then chốt quyết định
- C. Nhiều trận đánh cùng diễn ra đồng thời
- D. Nhiều trận đánh, có trận đánh quyết định

Câu 70. Nội dung của chiến thuật là vận dụng các hình thức chiến thuật:

- A. Vào trong các trận chiến đấu
- B. Thực hiện trong các chiến dịch
- C. Vào các điều kiện tình hình địch
- D. Tiến hành hoạt động tác chiến

BÀI 8 (60 Câu)

Câu 1. Lãnh thổ quốc gia là:

- A. Phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia
- B. Phạm vi không gian của vùng đất, vùng trời và vùng biển quốc gia
- C. Phạm vi giới hạn thuộc chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của quốc gia
- D. Phạm vi giới hạn một phần của trái đất thuộc chủ quyền quốc gia

Câu 2. Lãnh hải của Việt Nam là vùng biển:

- A. Có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở
- B. Nằm tiếp liền với vùng tiếp giáp lãnh hải
- C. Có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường biên giới
- D. Nằm ngoài nội thủy của có chiều rộng 24 hải lý

Câu 3. Nội thủy của lãnh thổ quốc gia là vùng biển:

- A. Nằm ở phía trong đường cơ sở
- B. Được giới hạn bởi bờ biển và lãnh hải
- C. Thuộc lãnh hải và tiếp giáp lãnh hải
- D. Được giới hạn bởi đường biên giới trên biển

Câu 4. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là một nội dung của xây dựng và bảo vệ chủ quyền:

- A. Lãnh thổ quốc gia
- B. Biên giới quốc gia
- C. Dân tộc thống nhất
- D. Độc lập dân tộc

Câu 5. Biên giới quốc gia Việt Nam trên đất liền là đường phân định:

- A. Lãnh thổ trên bề mặt đất liền của vùng đất quốc gia Việt Nam
- B. Phạm vi vùng đất quốc gia Việt Nam với quốc gia khác
- C. Ranh giới lãnh thổ quốc gia Việt Nam với quốc gia khác
- D. Phạm vi lãnh thổ quốc gia Việt Nam với quốc gia khác

Câu 6. Biên giới quốc gia Việt Nam bao gồm biên giới quốc gia:

- A. Trên đất liền, trên không, trên biển và trong lòng đất
- B. Trong đất liền, trên biển và trên lãnh thổ quốc gia đặc biệt
- C. Trên mặt đất, trong lòng đất, trên mặt biển và dưới lòng đất
- D. Trong lòng đất, trên đất liền, trên các đảo và các quần đảo.

Câu 7. Vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam là vùng biển có chiều rộng:

- A. 200 hải lý tính từ đường cơ sở
- B. 350 hải lý tính từ lãnh hải
- C. 200 hải lý tính từ biên giới trên biển
- D. 350 hải lý tính từ đường cơ sở

Câu 8: Nội thủy và lãnh hải là:

- A. Lãnh thổ của quốc gia trên biển
- B. Lãnh địa của quốc gia trên biển
- C. Lãnh hải của quốc gia trên biển
- D. Lãnh vực của quốc gia trên biển

Câu 9: Tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế, thềm lục địa là ba vùng biển thuộc:

- A. Quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia
- B. Quyền làm chủ và quyền phán xét của quốc gia
- C. Chủ quyền và quyền phán quyết của quốc gia

D. Quyền quản lý và quyền tài phán của quốc gia

Câu 10. Quần đảo Hoàng Sa là huyện đảo thuộc:

- A. Thành Phố Đà Nẵng
- B. Tỉnh Quảng Nam
- C. Tỉnh Quảng Ngãi
- D. Tỉnh Khánh Hòa

Câu 11. Biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam là ranh giới phía ngoài của:

- A. Lãnh hải Việt Nam
- B. Vùng tiếp giáp lãnh hải
- C. Vùng đặc quyền kinh tế
- D. Vùng thềm lục địa Việt Nam

Câu 12. Vùng nước nội thủy của Việt Nam có chế độ pháp lý như:

- A. Lãnh thổ trên đất liền
- B. Các vùng biển khác
- C. Lãnh hải trên biển
- D. Vùng thềm lục địa

Câu 13. Vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam là:

- A. Vùng nội thủy và vùng lãnh hải
- B. Vùng lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải
- C. Vùng nội thủy và vùng đặc quyền kinh tế
- D. Vùng lãnh hải và vùng thềm lục địa

Câu 14. Biên giới quốc gia Việt Nam trên đất liền được đánh dấu bằng:

- A. Hệ thống các mốc quốc giới trên thực địa
- B. Hệ thống các tọa độ trên bản đồ quốc gia
- C. Các thỏa thuận với các nước láng giềng
- D. Các hiệp ước với các quốc gia liên kề

Câu 15. Lực lượng nòng cốt trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là:

- A. Lực lượng vũ trang
- B. Lực lượng quân đội
- C. Lực lượng an ninh
- D. Lực lượng dân quân

Câu 16. Vùng biển thuộc quyền chủ quyền Việt Nam là:

- A. Vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa
- B. Vùng nội thủy đến vùng tiếp giáp lãnh hải
- C. Vùng thềm lục địa, vùng tiếp giáp lãnh hải
- D. Vùng nước ngoài lãnh thổ trên biển

Câu 17. Đảo Phú Quý thuộc địa phận tỉnh:

- A. Bình Thuận
- B. Ninh Thuận
- C. Bà Rịa - Vũng Tàu
- D. Kiên Giang

Câu 18. Lực lượng chuyên trách và làm nòng cốt trong bảo vệ biên giới quốc gia là:

- A. Bộ đội biên phòng
- B. Bộ đội địa phương
- C. Dân quân tự vệ
- D. Bộ đội chủ lực

Câu 19. Biên giới quốc gia của Việt Nam trong lòng đất được xác định bằng:

- A. Mặt phẳng thẳng đứng theo lãnh thổ quốc gia Việt Nam cắm sâu vào lòng đất
- B. Đường thẳng đứng theo biên giới Việt Nam trên đất liền cắm sâu vào lòng đất
- C. Hệ thống tọa độ trên bản đồ lãnh thổ quốc gia Việt Nam
- D. Hệ thống mặt phẳng thẳng đứng theo lãnh thổ Việt Nam

Câu 20. Biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam được hoạch định và:

- A. Đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ
- B. Ghi chú bằng các tọa độ trên hải đồ
- C. Đánh dấu bằng các tọa độ trên bản đồ
- D. Chú thích bằng các tọa độ trên bản đồ

Câu 21. Một trong những quan điểm của Đảng về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là:

- A. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam.
- B. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một bộ phận rất quan trọng của cách mạng Việt Nam
- C. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là yếu tố cơ bản nhất cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ

Tổ quốc

D. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là nội dung chủ yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 22. Quần đảo Trường Sa là huyện đảo thuộc tỉnh:

- A. Khánh Hòa
- B. Phú Yên
- C. Quảng Ngãi
- D. Bà Rịa - Vũng Tàu

Câu 23: Bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia là:

A. Sử dụng tổng hợp các Lực lượng và biện pháp chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức

B. Sử dụng các lực lượng và các biện pháp làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn thâm độc của kẻ thù

C. Sử dụng tổng hợp các lực lượng vũ trang đánh bại mọi hành động phá hoại, xâm lược của kẻ thù

D. Sử dụng mọi lực lượng, phương tiện, đấu tranh toàn diện chống lại mọi kẻ thù xâm lược

Câu 24: Một trong những nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia là:

- A. Hoàn thiện thiết chế quản lý, bảo vệ lợi ích quốc gia trên biển, đảo
- B. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ biển, đảo
- C. Hoàn thiện cơ chế quản lý, kết hợp với quốc phòng - an ninh
- D. Kết hợp phát triển kinh tế với đấu tranh bảo vệ lợi ích trên biển, đảo

Câu 25: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia là phải:

- A. Tăng cường và củng cố QP, AN bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo
- B. Bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN và bảo vệ ND trên các vùng biển, hải đảo
- C. Tăng cường lực lượng bảo vệ sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH trên biển, đảo
- D. Bảo vệ thống nhất biển, đảo, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với đối ngoại trên biển

Câu 26: Làm tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia là:

- A. Trực tiếp góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa
- B. Trực tiếp bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
- C. Thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam
- D. Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường QP, AN

Câu 27. Khu vực biên giới trên đất liền của Việt Nam gồm:

- A. Các xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng với biên giới quốc gia trên đất liền
- B. Các xã, phường, thị trấn có địa giới hành chính tiếp giáp với đường biên giới quốc gia trên đất liền
- C. Khu vực thuộc các xã, phường, thị trấn có chiều rộng 10 km tính từ đường biên giới quốc gia trên đất liền
- D. Khu vực các xã, phường, thị trấn có địa giới hành chính nằm liền kề đường biên giới quốc gia trên đất liền

Câu 28. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là:

- A. Thực hiện tổng thể các biện pháp để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường, lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới
- B. Thực hiện tổng thể các giải pháp một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên khu vực biên giới
- C. Thực hiện tổng thể các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên tất cả mọi lĩnh vực trên khu vực biên giới
- D. Thực hiện tổng thể mọi hoạt động trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh trên khu vực biên giới

Câu 29. Biên giới quốc gia của Việt Nam là:

- A. Đường và mặt phẳng thẳng đứng
- B. Đường và mặt phẳng nằm ngang
- C. Hệ thống các tọa độ được xác định
- D. Hệ thống các đường và mặt phẳng

Câu 30. Theo Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa XHCN Việt nam thì “xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới” là:

- A. Sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý
- B. Sự nghiệp của cả đất nước do Đảng thống nhất lãnh đạo
- C. Sự nghiệp của cả dân tộc do nhân dân thống nhất làm chủ
- D. Sự nghiệp của cả hệ thống chính trị do Nhà nước quản lý

Câu 31. Một trong những nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là tăng cường:

- A. Mở rộng quan hệ đối ngoại các cấp trên khu vực biên giới
- B. Hợp tác với các nước trên thế giới vì hòa bình, ổn định và phát triển
- C. Mở rộng phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh với các nước láng giềng
- D. Hợp tác chiến lược, ổn định lâu dài với các nước láng giềng

Câu 32. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là phải:

- A. Phối hợp với các nước đầu tranh ngăn chặn mọi hành động phá hoại tình đoàn kết, hữu nghị.
- B. Phối hợp với các nước ngăn chặn mọi âm mưu gây bạo loạn lật đổ của kẻ thù
- C. Phối hợp chặt chẽ giữa chống giặc ngoài và dẹp thù trong để bảo vệ vững chắc Tổ quốc
- D. Phối hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị-trật tự an toàn xã hội.

Câu 33. Một trong những nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là:

- A. Bảo vệ an ninh quốc gia trên khu vực biên giới
- B. Bảo vệ an ninh các cột mốc biên giới
- C. Bảo vệ an ninh các cửa khẩu biên giới
- D. Bảo vệ an ninh các đồn Biên phòng trên biên giới

Câu 34. “Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý” được quy định trong:

- A. Luật Biên giới
- B. Luật Quốc phòng

C. Luật Nghĩa vụ quân sự

D. Luật Công An

Câu 35. “Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới” là một trong những nội dung của:

- A. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia
- B. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia
- C. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- D. Xây dựng và bảo vệ khu vực biên giới

Câu 36. “Bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường” là một trong những nội dung của:

- A. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia
- B. Xây dựng và bảo vệ khu vực biên giới
- C. Xây dựng và bảo vệ lãnh thổ quốc gia
- D. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền dân tộc

Câu 37. Sinh viên cần nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia để:

- A. Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân
- B. Xây dựng ý thức, trách nhiệm sinh viên
- C. Nâng cao hiểu biết về mọi mặt
- D. Xây dựng ý chí quyết tâm học tập tốt

Câu 38. Khu vực có chiều rộng 10 km tính từ biên giới quốc gia vào phía trong lãnh thổ là:

- A. Khu vực biên giới trên không
- B. Khu vực biên giới trên bộ
- C. Vùng biên giới trên biển
- D. Vùng biên giới trên đất liền

Câu 39: “Củng cố, tăng cường quan hệ quốc tế, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi hỗ trợ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo” là một trong những nội dung của:

- A. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia
- C. Xây dựng phát triển biển, đảo vững mạnh toàn diện
- B. Quan hệ đối ngoại trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo
- D. Quan hệ quốc tế để xây dựng và bảo vệ biển, đảo

Câu 40: Biển, đảo quốc gia Việt Nam là:

- A. Một bộ phận thiêng liêng của lãnh thổ quốc gia Việt Nam
- B. Phạm vi không gian của vùng biển quốc gia Việt nam
- C. Một thực thể quan trọng của quốc gia Việt Nam
- D. Một bộ phận quan trọng của Nhà nước Việt Nam

Câu 41: Vùng thềm lục địa thuộc biển Việt Nam có chế độ pháp lý như:

- A. Vùng đặc quyền kinh tế
- B. Vùng lãnh hải
- C. Vùng đất trên đảo và quần đảo
- D. Trên đất liền

Câu 42: Tỉnh có một phần địa giới hành chính trùng với đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc là:

- A. Cao Bằng
- B. Bắc Giang
- C. Hòa Bình
- D. Tuyên Quang

Câu 43. Huyện đảo Trường Sa hiện có:

- A. Thị trấn Trường Sa, xã Sinh Tồn và xã Song Tử Tây
- B. Thị trấn Trường Sa, xã Nam Yết và xã Sinh Tồn
- C. Thị trấn Trường Sa, xã sinh Tồn và xã Sơn Ca
- D. Thị trấn Trường Sa, xã Song Tử Tây và xã Sơn Ca

Câu 44. Ở Việt Nam, các xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng với đường biên giới quốc gia trên đất liền, được xác định là:

- A. Khu vực biên giới trên đất liền
- B. Vùng biên giới trên bộ
- C. Khu vực biên giới đặc biệt
- D. Vùng biên giới trên đất liền

Câu 45. Tỉnh có một phần địa giới hành chính trùng với đường biên giới Việt Nam - Lào là:

- A. Quảng Trị
- B. Quảng Ninh
- C. Bình Định
- D. Quảng Ngãi

Câu 46. Tỉnh có một phần địa giới hành chính trùng với đường biên giới Việt Nam-Campuchia là:

- A. An Giang
- B. Tiền Giang
- C. Hậu Giang
- D. Bắc Giang

Câu 47. Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là:

- A. Thiêng liêng, bất khả xâm phạm
- B. Khẳng định chủ quyền đất nước
- C. Tối cao, bất khả xâm phạm
- D. Chủ quyền, độc lập, tự do

Câu 48. Huyện Côn Đảo là đơn vị hành chính thuộc tỉnh:

- A. Bà Rịa - Vũng Tàu
- B. Tiền Giang
- C. Bình Thuận
- D. Cần Thơ

Câu 49. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị ổn định trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là:

- A. Vấn đề đặc biệt quan trọng
- B. Chính sách đặc biệt quan trọng
- C. Vấn đề đặc biệt quan tâm
- D. Nội dung rất quan trọng

Câu 50. Mọi công dân nước Cộng hòa XHCN Việt Nam không phân biệt thành phần xã hội, dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hóa, nơi cư trú, phải có:

- A. Nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia
- B. Tinh thần dân tộc phát huy truyền thống bảo vệ lãnh thổ, biên giới quốc gia
- C. Trách nhiệm với ông cha ta xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới
- D. Nhiệm vụ cao cả đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới

Câu 51. Về vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông, vì lợi ích an ninh chung của các bên hữu quan, Việt Nam sẵn sàng:

- A. Đàm phán hòa bình để giải quyết

- B. Hợp tác cùng khai thác chung
- C. Đưa ra hội nghị quốc tế giải quyết
- D. Đối thoại song phương để giải quyết

Câu 52. Đặc trưng chính trị và tính pháp lý thiết yếu của một quốc gia độc lập, được thể hiện trong:

- A. Hoạt động của các cơ quan nhà nước và trong hệ thống pháp luật quốc gia
- B. Quản lý chủ quyền lãnh thổ biên giới và duy trì trật tự an toàn xã hội
- C. Hoạt động kiểm soát của các cơ quan nhà nước theo quy định quốc tế
- D. Duy trì mọi hoạt động theo khuôn khổ luật pháp nhà nước và quốc tế

Câu 53. Quan điểm xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị, ổn định là:

- A. Vấn đề đặc biệt quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- B. Yêu cầu chiến lược lâu dài của cách mạng Việt Nam
- C. Vấn đề sống còn của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- D. Nội dung cốt lõi trong đường lối cách mạng Việt Nam

Câu 54. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới là:

- A. Thông qua đàm phán hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau
- B. Thông qua đối thoại ngoại giao vừa hợp tác, vừa đấu tranh và đàm phán thương lượng hòa bình, bảo đảm lợi ích của nhau
- C. Thông qua luật pháp quốc tế trên cơ sở thương lượng hòa bình, tôn trọng độc lập chủ quyền và lợi ích chính đáng của nhau
- D. Thông qua thương lượng cấp nhà nước giữa các bên, bằng nhiều biện pháp ngoại giao thân thiện nhất là đàm phán hòa bình thông qua diễn đàn quốc tế

Câu 55. Việt Nam có đường biên giới quốc gia trên đất liền dài:

- A. 4.550 km
- B. 4.505 km
- C. 5.450 km
- D. 5405 km

Câu 56. Việt Nam có đường biển giới tiếp giáp với Trung Quốc dài:

- A. 1.350 km
- B. 1.530 km
- C. 1.503 km
- D. 1.305 km

Câu 57. Việt Nam có đường biển giới tiếp giáp với Lào dài:

- A, 2.067 km
- B. 2.607 km
- C. 2.670 km
- D. 2.076 km

Câu 58. Việt Nam có đường biển giới tiếp giáp với Campuchia dài:

- A. 1137 km
- B. 1317 km
- C. 1371 km
- D. 1173 km

Câu 59. Đảo Thổ Chu thuộc địa phận tỉnh:

- A. Kiên Giang
- B. An Giang
- C. Hậu Giang

D. Cà Mau

Câu 60. Điểm cuối cùng của đường cơ sở vùng biển Việt Nam là:

A. Đảo Cồn Cỏ

B. Đảo Lý Sơn

C. Đảo Hòn Mê

D. Đảo Bạch Long Vĩ

BÀI 9 (70 Câu)

Câu 1. Dân quân tự vệ là lực lượng:

- A. Vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác
- B. Nhân dân được vũ trang sẵn sàng chiến đấu
- C. Xung kích bảo vệ và duy trì sản xuất, công tác
- D. Vũ trang nòng cốt bảo vệ kinh tế và văn hóa

Câu 2. Dân quân tự vệ đặt dưới sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của:

- A. Cơ quan quân sự địa phương
- B. Bộ quốc phòng, quân khu
- C. Ủy ban nhân dân các cấp
- D. Hội đồng nhân dân địa phương

Câu 3. Một trong những nhiệm vụ của dân quân tự vệ được quy định trong Luật Dân quân tự vệ 2009 là:

- A. Học tập chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự và diễn tập
- B. Học tập quân sự, văn hóa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ nhân dân
- C. Học tập chính trị, thường xuyên luyện tập và sẵn sàng chiến đấu
- D. Học tập văn hóa, chính trị, quân sự và bảo vệ an ninh trật tự

Câu 4. Dân quân tự vệ là một lực lượng:

- A. Chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- B. Quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- C. Cơ bản trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- D. Chiến lược chủ yếu trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân

Câu 5. Lực lượng dân quân tự vệ nòng cốt được tổ chức thành:

- A. Lực lượng cơ động và lực lượng tại chỗ
- B. Lực lượng cơ động và lực lượng thường trực
- C. Lực lượng thường trực và lực lượng dự bị
- D. Lực lượng cơ động và lực lượng dự bị

Câu 6. Dân quân tự vệ đặt dưới sự chỉ đạo, chỉ huy thống nhất của:

- A. Bộ Quốc phòng
- B. Bộ chỉ huy quân sự các cấp
- C. Ủy ban nhân dân các cấp
- D. Hội đồng nhân dân các cấp

Câu 7. Dân quân tự vệ đặt dưới sự quản lý, điều hành của:

- A. Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp
- B. Chính phủ và Bộ chỉ huy quân sự các cấp
- C. Đảng ủy và Ủy ban nhân dân các cấp
- D. Chính phủ và Bộ Quốc phòng

Câu 8. Thành phần của dân quân tự vệ gồm 2 lực lượng:

- A. Lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi
- B. Lực lượng cơ động và lực lượng rộng rãi
- C. Lực lượng quân sự và lực lượng an ninh
- D. Lực lượng tại chỗ và lực lượng dự bị

Câu 9. Đối tượng giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự trong lực lượng dân quân tự vệ là:

- A. Toàn thể cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ
- B. Toàn thể cán bộ các cấp dân quân tự vệ

- C. Toàn thể chiến sĩ dân quân tự vệ
- D. Toàn thể đảng viên dân quân tự vệ

Câu 10. Nói đến vị trí vai trò, thì dân quân tự vệ là lực lượng:

- A. Nòng cốt trong phong trào toàn dân đánh giặc trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc
- B. Xung kích trong phong trào toàn dân sản xuất, bảo vệ Tổ quốc ở địa phương
- C. Nòng cốt trong phong trào lao động, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo vệ địa phương
- D. Xung kích trong phong trào chiến đấu, phục vụ chiến đấu và bảo vệ nhân dân

Câu 11. Thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân tự vệ hiện nay, chúng ta phải:

- A. Coi trọng chất lượng là chính
- B. Chú trọng chất lượng chính trị
- C. Tăng cường sức mạnh chiến đấu
- D. Xây dựng vững mạnh toàn diện

Câu 12. Quân nhân dự bị động viên được đăng ký, quản lý tại:

- A. Nơi cư trú
- B. Nơi công tác
- C. Đơn vị dự bị động viên
- D. Nơi tập trung động viên

Câu 13. Đối tượng tạo nguồn sỹ quan dự bị:

- A. Sỹ quan xuất ngũ
- B. Binh sỹ xuất ngũ
- C. Thanh niên chuẩn bị nhập ngũ
- D. Dân quân tự vệ thường trực

Câu 14. Khi tổ chức lực lượng dự bị động viên, sắp xếp quân nhân dự bị hạng một trước, nếu thiếu thì sắp xếp:

- A. Quân nhân dự bị hạng hai
- B. Dân quân tự vệ hạng một
- C. Quân nhân dự bị hạng ba
- D. Dân quân tự vệ cơ động

Câu 15. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên là:

- A. Trách nhiệm của toàn xã hội
- B. Thực hiện lợi ích xã hội
- C. Thực hiện chính sách xã hội
- D. Trách nhiệm của các địa phương

Câu 16. Dân quân được tổ chức ở:

- A. Xã, phường, thị trấn
- B. Cơ quan, tổ chức nhà nước
- C. Xã, phường, cơ quan nhà nước
- D. Xã, Phường, đơn vị sự nghiệp

Câu 17. Xây dựng lực lượng dự bị động viên là nhiệm vụ của:

- A. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, của cả hệ thống chính trị ở nước ta
- B. Lãnh đạo, chính quyền địa phương, Bộ Quốc phòng, cả hệ thống chính trị
- C. Bộ Quốc phòng, các quân khu và các địa phương, các tổ chức quần chúng
- D. Bộ Quốc phòng, các địa phương và toàn thể các tổ chức xã hội ở nước ta

Câu 18. Độ tuổi của công dân Việt Nam tham gia lực lượng dân quân tự vệ là:

- A. Nam từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi

- B. Nam từ đủ 20 tuổi đến hết 45 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi
- C. Nam từ đủ 18 tuổi đến hết 50 tuổi, nữ từ đủ 20 tuổi đến hết 45 tuổi
- D. Nam từ đủ 20 tuổi đến hết 45 tuổi, nữ từ đủ 20 tuổi đến hết 40 tuổi

Câu 19. Một trong những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên là:

- A. Phát huy sức mạnh của các bộ, ngành và địa phương
- B. Phát huy sức mạnh của toàn dân trên tất cả các lĩnh vực hoạt động xã hội
- C. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu cao
- D. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị ở địa phương

Câu 20. Dân quân tự vệ Việt Nam thành lập ngày, tháng, năm nào?

- A. 28/03/1935
- B. 19/08/1945
- C. 22/12/1944
- D. 23/09/1945

Câu 21. Luật Dân quân tự vệ của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam được ban hành từ năm:

- A. Năm 2009
- B. Năm 2010
- C. Năm 2008
- D. Năm 2011

Câu 22. Để xây dựng lực lượng dân quân tự vệ có hiệu quả, chúng ta phải:

- A. Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về công tác dân quân tự vệ
- B. Phát huy sức mạnh của các cấp, các ngành, các địa phương và các tầng lớp nhân dân để thực hiện công tác dân quân tự vệ
- C. Phát huy sức mạnh của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân để xây dựng lực lượng dân quân tự vệ
- D. Thường xuyên củng cố sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của các tầng lớp nhân dân để thực hiện tốt công tác dân quân tự vệ.

Câu 23. Dân quân tự vệ “là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong thời bình”, là một trong những nội dung của:

- A. Vị trí vai trò của dân quân tự vệ
- B. Nội dung, nhiệm vụ của dân quân tự vệ
- C. Chức năng cơ bản của dân quân tự vệ
- D. Nhiệm vụ, chức trách của dân quân tự vệ

Câu 24. Nhiệm vụ của dân quân tự vệ được quy định trong Luật Dân quân tự vệ 2009, là những nhiệm vụ:

- A. Cơ bản, thường xuyên trong mọi giai đoạn cách mạng đối với mọi tổ chức dân quân tự vệ
- B. Chủ yếu, thường xuyên của sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong thời chiến
- C. Quan trọng nhất của dân quân tự vệ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- D. Cơ bản, thường xuyên xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong thời bình

Câu 25. Nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ cơ động là:

- A. Chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt địch, chi viện cho lực lượng chiến đấu tại chỗ
- B. Chiến đấu, tiêu diệt địch, đánh bại địch tiến công trên địa bàn địa phương
- C. Chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu trên địa bàn địa phương theo phương án
- D. Chiến đấu, cơ động chiến đấu trên địa bàn địa phương theo kế hoạch

Câu 26. Cấp xã, phường, thị trấn cơ cấu chính trị viên Ban chỉ huy quân sự phải là:

- A. Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm

- B. Bí thư đảng ủy phụ trách
- C. Bí thư Đoàn thanh niên kiêm nhiệm
- D. Phó bí thư đảng ủy phụ trách

Câu 27. Cấp xã, phường, thị trấn cơ cấu chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự phải là:

- A. Thành viên ủy ban nhân dân
- B. Chủ tịch ủy ban kiêm nhiệm
- C. Phó chủ tịch ủy ban phụ trách
- D. Phó bí thư đảng ủy kiêm nhiệm

Câu 28. Tại các địa bàn trọng điểm về quốc phòng, an ninh, thành phần dân quân tự vệ còn có lực lượng:

- A. Dân quân tự vệ thường trực
- B. Dân quân tự vệ thường xuyên
- C. Dân quân tự vệ trực ban
- D. Dân quân tự vệ trực chiến**

Câu 29. Một trong những biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ hiện nay là:

- A. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện
- B. Phát huy sức mạnh của toàn dân trên tất cả các lĩnh vực hoạt động xã hội
- C. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu cao
- D. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp ở các ngành và địa phương

Câu 30. “Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn để xây dựng lực lượng dân quân tự vệ” là một trong những nội dung của:

- A. Nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân tự vệ
- B. Biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ
- C. Vị trí vai trò quan trọng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ
- D. Nội dung cơ bản xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

Câu 31. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, chúng ta phải:

- A. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dân quân tự vệ
- B. Thực hiện tốt đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới
- C. Thực hiện đầy đủ các quy định của công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp
- D. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chương trình giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân tự vệ

Câu 32. “Bảo đảm số lượng đủ, chất lượng cao, xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm” là một trong những nội dung của:

- A. Quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên
- B. Nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị động viên
- C. Biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng dự bị động viên
- D. Giải pháp cơ bản xây dựng lực lượng dự bị động viên

Câu 33. Cơ quan thực hiện việc đăng ký, quản lý quân nhân dự bị động viên là:

- A. Ban chỉ huy quân sự xã (phường, thị trấn), Ban chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh)
- B. Ban lãnh đạo cơ quan, đơn vị công tác, Ban chỉ huy quân sự các cơ quan, đơn vị công tác
- C. Ban chỉ huy quân sự xã (phường, thị trấn), Ban chỉ huy đơn vị, cơ quan dự bị động viên
- D. Ban chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) và đơn vị dự bị động viên

Câu 34. Một trong những nguyên tắc sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên là:

- A. Theo trình độ chuyên nghiệp quân sự, chuyên môn kỹ thuật
- B. Theo khả năng về sức khỏe, tuổi đời và nơi cư trú
- C. Theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ, theo nghề nghiệp
- D. Theo trình độ kỹ thuật, chiến thuật, chức vụ và sức khỏe.

Câu 35. Việc bảo đảm vật chất, kinh phí xây dựng lực lượng dự bị động viên hàng năm do:

- A. Chính phủ giao chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, địa phương thực hiện
- B. Các bộ, ngành, địa phương phối hợp với các đơn vị dự bị động viên thực hiện
- C. Các địa phương chủ động phối hợp với các đơn vị dự bị động viên thực hiện
- D. Chính phủ giao chỉ tiêu cho các đơn vị dự bị động viên và địa phương thực hiện

Câu 36. Quyết định và thông báo quyết định động viên công nghiệp quốc phòng do:

- A. Chính phủ quy định
- B. Bộ quốc phòng quy định
- C. Chủ tịch nước quy định
- D. Chủ tịch Quốc hội quy định

Câu 37. Một trong những nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên là:

- A. Tạo nguồn, đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên
- B. Tạo nguồn, biên chế và đăng ký lực lượng dự bị động viên
- C. Tạo nguồn, tổ chức và quản lý lực lượng dự bị động viên
- D. Tạo nguồn, quản lý và kiểm tra lực lượng dự bị động viên

Câu 38. Thực chất của xây dựng lực lượng dự bị động viên là:

- A. Chuẩn bị nguồn nhân lực, phương tiện kỹ thuật để bổ sung, mở rộng quân đội
- B. Xây dựng phong trào quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân tại địa phương
- C. Chuẩn bị hợp lý nhân lực cho bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- D. Động viên mọi người tham gia lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam

Câu 39. Trong thời chiến, dân quân tự vệ là lực lượng:

- A. Nòng cốt cho toàn dân đánh giặc tại địa phương
- B. Xung kích cho toàn dân chiến đấu, phục vụ chiến đấu
- C. Nòng cốt cho toàn dân cả nước đánh giặc
- D. Xung kích trong mọi hoạt động chiến đấu ở cơ sở

Câu 40. Thời hạn phục vụ của lực lượng dân quân tự vệ nòng cốt theo Luật Dân quân tự vệ năm 2009 là:

- A. 4 năm
- B. 3 năm
- C. 2 năm
- D. 5 năm

Câu 41. Tổ chức đơn vị dân quân tự vệ cao nhất là:

- A. Tiểu đoàn, hải đoàn
- B. Lữ đoàn, hải đoàn
- C. Đại đội, hải đội
- D. Trung đội, hải đội

Câu 42. Vũ khí, trang bị cho dân quân tự vệ, từ nguồn nào cũng đều là:

- A. Tài sản của Nhà nước giao cho dân quân tự vệ quản lý
- B. Vật chất của Nhà nước giao cho dân quân tự vệ quản lý
- C. Tài sản của quốc phòng giao cho dân quân tự vệ quản lý
- D. Vật chất của địa phương giao cho dân quân tự vệ quản lý

Câu 43. Đối tượng tạo nguồn hạ sỹ quan, binh sỹ dự bị động viên là:

- A. Quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự có đủ điều kiện quy định
- B. Dân quân tự vệ nòng cốt có đủ điều kiện theo quy định
- C. Hạ sỹ quan, chiến sỹ đang tại ngũ có đủ điều kiện quy định
- D. Dân quân tự vệ rộng rãi có đủ điều kiện quy định

Câu 44. Biên chế dân quân tự vệ được thống nhất trong toàn quốc do:

- A. Bộ Quốc phòng quy định
- B. Các quân khu quy định
- C. Chính phủ quy định
- D. Quốc hội quy định

Câu 45. Thời điểm sử dụng lực lượng dự bị động viên là:

- A. Khi có lệnh động viên
- B. Lúc chiến tranh xảy ra
- C. Khi nguy cơ bị xâm lược
- D. Nếu quân đội suy yếu

Câu 46. Việc lựa chọn, giao nhiệm vụ động viên công nghiệp quốc phòng cho các doanh nghiệp công nghiệp phải bảo đảm:

- A. Tính đồng bộ theo nhu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị của quân đội
- B. Sự thống nhất giữa công nghiệp dân dụng với công nghiệp quốc phòng
- C. Tính xuyên suốt đáp ứng nhu cầu sản xuất của công nghiệp quốc phòng
- D. Đầy đủ hợp lý, đồng bộ theo nhu cầu sản xuất, sửa chữa của quân đội

Câu 47. Xây dựng lực lượng dự bị động viên là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của:

- A. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân
- B. Lực lượng vũ trang nhân dân
- C. Các cấp, các ngành và nhân dân
- D. Các địa phương và quân đội

Câu 48. Khi sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên phải theo nguyên tắc:

- A. Sắp xếp những quân nhân dự bị cư trú gần nhau vào từng đơn vị
- B. Theo yêu cầu của từng địa phương và nguyện vọng của quân nhân
- C. Đúng nguyện vọng và trình độ chuyên nghiệp của mọi quân nhân
- D. Theo sự chỉ đạo thống nhất của Bộ trưởng Bộ quốc phòng

Câu 49. Phạm vi khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp công nghiệp để động viên công nghiệp quốc phòng là:

- A. Tất cả các doanh nghiệp công nghiệp của Việt Nam
- B. Các doanh nghiệp công nghiệp quốc doanh Việt Nam
- C. Tất cả mọi doanh nghiệp công nghiệp cả nước Việt Nam
- D. Các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp Việt Nam

Câu 50. Lực lượng bảo đảm mở rộng quân đội khi đất nước có chiến tranh xâm lược là:

- A. Lực lượng dự bị động viên
- B. Lực lượng đoàn viên thanh niên
- C. Lực lượng vũ trang dự bị
- D. Lực lượng quân nhân xuất ngũ

Câu 51. Thực chất của xây dựng lực lượng dự bị động viên là chuẩn bị nguồn nhân lực bổ sung, mở rộng lực lượng quân đội khi:

- A. Chuyển đất nước sang trạng thái chiến tranh

- B. Xây dựng phong trào quốc phòng toàn dân ở địa phương
- C. Lực lượng quân đội thiếu hụt không bảo đảm chiến đấu
- D. Đất nước cần phát huy khả năng của quân nhân xuất ngũ

Câu 52. Khi sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên, nếu hết người có trình độ chuyên nghiệp quân sự mà vẫn còn thiếu thì:

- A. Sắp xếp người có trình độ chuyên nghiệp quân sự tương ứng
- B. Đề nghị cấp trên điều động từ địa phương, đơn vị khác đến
- C. Sử dụng lực lượng dân quân thường trực bổ sung cho đủ
- D. Chờ đợt sau bổ sung cho đúng trình độ chuyên nghiệp quân sự

Câu 53. Trong công tác chuẩn bị động viên công nghiệp quốc phòng, phải thực hiện:

- A. Giao chỉ tiêu động viên
- B. Giao kế hoạch động viên
- C. Giao nhiệm vụ động viên
- D. Giao tiêu chuẩn động viên

Câu 54. Trong thực hành động viên công nghiệp quốc phòng, phải tổ chức:

- A. Bảo đảm vật tư, tài chính
- B. Dự trữ vật tư, tài chính
- C. Di chuyển vật chất, tài chính
- D. Huy động sức người, sức của

Câu 55. Để xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, chúng ta phải:

- A. Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn
- B. Huy động sức mạnh tổng hợp trên địa bàn
- C. Phát huy khả năng về mọi mặt trên địa phương
- D. Huy động tiềm năng của các địa phương

Câu 56. Phương tiện kỹ thuật của lực lượng dự bị động viên thường gồm:

- A. Phương tiện vận tải, làm đường, xếp dỡ, thông tin liên lạc, y tế và một số phương tiện khác.
- B. Phương tiện xếp dỡ, san lấp mặt bằng, cầu phà, thông tin liên lạc và một số phương tiện khác
- C. Phương tiện thông tin liên lạc, y tế, phương tiện vận tải, cứu hỏa và một số phương tiện khác
- D. Phương tiện vận tải, cầu đường, thông tin liên lạc và các thiết bị khoa học công nghệ

Câu 57. Nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dự bị động viên nhằm mục đích:

- A. Bảo đảm sức mạnh của quân đội, đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN
- B. Duy trì sức mạnh chiến đấu của lực lượng dự bị động viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới
- C. Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo và tăng cường chất lượng cho lực lượng vũ trang nhân dân
- D. Hoàn thiện và tăng cường số lượng, chất lượng cho lực lượng vũ trang khi có chiến tranh.

Câu 58. Quyền hạn bổ nhiệm các chức vụ trong ban chỉ huy quân sự xã là:

- A. Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện
- B. Chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự huyện
- C. Chính trị viên ban chỉ huy quân sự huyện
- D. Bí thư đảng ủy huyện

Câu 59. Độ tuổi công dân Việt Nam tình nguyện tham gia lực lượng dân quân tự vệ là:

- A. Nam từ đủ 18 tuổi đến hết 50 tuổi, nữ từ đủ 20 tuổi đến hết 45 tuổi
- B. Nam từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi
- C. Nam từ đủ 20 tuổi đến hết 50 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi
- C. Nam từ đủ 20 tuổi đến hết 45 tuổi, nữ từ đủ 20 tuổi đến hết 40 tuổi

Câu 60. Cấp xã có thể tổ chức đơn vị dân quân cao nhất đến:

- A. Trung đội dân quân cơ động
- B. Tiểu đoàn dân quân cơ động
- C. Tiểu đội dân quân cơ động
- D. Đại đội dân quân cơ động

Câu 61. Quân nhân dự bị gồm:

- A. Sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sỹ quan và binh sỹ dự bị
- B. Sĩ quan dự bị, hạ sỹ quan dự bị và quân nhân chuyên nghiệp dự bị
- C. Hạ sỹ quan, binh sỹ dự bị, các lực lượng dự bị khác
- D. Tất cả mọi người đã qua nghĩa vụ quân sự và tất cả các quân nhân khác

Câu 62. Đối tượng tạo nguồn sỹ quan dự bị động viên:

- A. Nam sinh viên tốt nghiệp đại học
- B. Sỹ quan đang tại ngũ
- C. Hạ sỹ quan và binh sỹ tại ngũ
- D. Chiến sỹ chuẩn bị xuất ngũ

Câu 63. Nội dung thực hành động viên công nghiệp quốc phòng:

- A. Giao, nhận sản phẩm động viên.
- B. Hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa.
- C. Giao chỉ tiêu động viên.
- D. Bồi dưỡng chuyên môn, tay nghề cho người lao động, diễn tập động viên

Câu 64. Kinh tế thị trường phát triển và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tạo thuận lợi cho thực hiện động viên công nghiệp quốc phòng:

- A. Có nhiều doanh nghiệp để lựa chọn động viên
- B. Có đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ cao
- C. Có đội ngũ công nhân tay nghề cao
- D. Có nhiều doanh nghiệp công nghệ cao, hiện đại

Câu 65. Khó khăn cho thực hiện động viên công nghiệp quốc phòng trong kinh tế thị trường phát triển và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế:

- A. Bảo đảm bí mật quân sự
- B. Bảo đảm an sinh xã hội
- C. Bảo đảm an ninh trật tự
- D. Bảo đảm nguồn nhân lực

Câu 66. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên là:

- A. Nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân
- B. Thực hiện sự công bằng của mọi công dân cả nước trong chính sách xã hội
- C. Thể hiện sự quan tâm của toàn xã hội đối với lực lượng vũ trang nhân dân
- D. Nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Câu 67. Thực chất của động viên công nghiệp quốc phòng là:

- A. Huy động doanh nghiệp công nghiệp dân sự vào phục vụ quốc phòng
- B. Kêu gọi, động viên các lực lượng công nghiệp vào phục vụ quốc phòng
- C. Huy động các sản phẩm công nghiệp cho mục đích quốc phòng
- D. Đặt hàng công nghiệp dân dụng cho công nghiệp quốc phòng

Câu 68. Đặc điểm tác động đến việc tổ chức và thực hành động viên công nghiệp quốc phòng ở nước ta hiện nay:

- A. Sự phát triển của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế
- B. Truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam

- C. Toàn dân đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- D. Truyền thống và nghệ thuật xây dựng lực lượng quân sự của Đảng

Câu 69. Trong công tác chuẩn bị động viên công nghiệp quốc phòng, các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ động viên phải căn cứ vào kế hoạch của cấp trên để:

- A. Lập kế hoạch động viên công nghiệp quốc phòng cho doanh nghiệp mình
- B. Xây dựng phương án động viên công nghiệp quốc phòng của doanh nghiệp mình
- C. Lập kế hoạch sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp phù hợp với nhiệm vụ
- D. Lắp đặt, xây dựng hệ thống dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp mình

Câu 70. Công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên là biểu hiện quán triệt quan điểm về:

- A. Sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- B. Thống nhất giữa hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- C. Sự nhất trí giữa nhiệm vụ xây dựng CNXH và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc
- D. Thấu suốt hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng của Tổ quốc Việt Nam XHCN

BÀI 10 (20 Câu)

Câu 1. “Hình thức thích hợp để tập hợp, thu hút đông đảo quần chúng lao động và giải quyết những nhiệm vụ đặt ra trong công tác bảo vệ an ninh trật tự” là một trong những vị trí, tác dụng của:

- A. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
- B. Phong trào phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội
- C. Phong trào vì an ninh, trật tự Tổ quốc
- D. Phong trào giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Câu 2. Một trong những vị trí, tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

- A. Một bộ phận gắn bó chặt chẽ với phong trào cách mạng khác trong cả nước cũng như từng địa phương
- B. Một bộ phận liên quan chặt chẽ, gắn bó với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội
- C. Một nội dung quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trong cả nước cũng như từng địa phương
- D. Một thành phần không thể thiếu trong phong trào cách mạng XHCN

Câu 3. Mục đích của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

- A. Huy động sức mạnh của nhân dân để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các loại tội phạm
- B. Giúp cho lực lượng công an có điều kiện triển khai sâu rộng công tác nghiệp vụ phòng chống tội phạm
- C. Trực tiếp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, ngăn chặn các tệ nạn xã hội
- D. Huy động sức mạnh của các tổ chức chính trị - xã hội để phòng chống tội phạm

Câu 4. Xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến là nội dung của:

- A. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
- B. Nhiệm vụ của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc
- C. Đặc điểm xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
- D. Mục đích của phong trào đoàn kết nhân dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Câu 5: Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc, lực lượng công an có hạn, không thể dựa vào chuyên môn mà phải cần đến:

- A. Tài năng của nhân dân
- B. Tiếng nói của nhân dân
- C. Sự có mặt của nhân dân
- D. Sự hiện diện của nhân dân

Câu 6: Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc luôn:

- A. Giữ vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng
- B. Có vai trò quan trọng trong sự nghiệp cách mạng
- C. Giữ vị trí chủ yếu trong bảo vệ an ninh Tổ quốc
- D. Có ý nghĩa quyết định trong bảo vệ an ninh quốc gia

Câu 7. “Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm” là một trong những nội dung cơ bản của:

- A. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
- B. Công tác vận động quần chúng nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng
- C. Công tác tuyên truyền của lực lượng công an nhân dân
- D. Công tác vận động quần chúng của các cấp, các ngành

Câu 8. Một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

- A. Xây dựng và mở rộng liên kết phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể quần chúng, các

tổ chức chính trị xã hội trong các phong trào của địa phương

B. Mở rộng liên kết phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong phong trào thi đua ở địa phương

C. Phối hợp chặt chẽ với các phong trào thi đua khen thưởng của các ngành, các cấp từ trung ương tới địa phương trong phạm vi cả nước

D. Xây dựng và duy trì liên kết chặt chẽ với các ngành, các tổ chức quần chúng trong các phong trào của các bộ, ngành

Câu 9. “Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh” là một trong những nội dung cơ bản của:

A. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

B. Công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

C. Công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở

D. Công tác giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Câu 10. Một trong những vị trí, tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

A. Là hình thức cơ bản để tập hợp thu hút đông đảo quần chúng phát huy quyền làm chủ của quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh trật tự

B. Một bộ phận liên quan chặt chẽ, gắn bó với nhiệm vụ bảo vệ ANQG và trật tự an toàn xã hội

C. Một thành phần không thể thiếu trong phong trào cách mạng XHCN để bảo vệ ANTQ

D. Một hình thức quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trong cả nước cũng như từng địa phương

Câu 11. Một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

A. Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm

B. Nắm tình hình, xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ

C. Vận động nhân dân xây dựng khu dân cư văn hóa, giữ gìn trật tự an toàn xã hội

D. Nắm tình hình và vận động toàn dân tích cực tham gia phong trào bảo vệ an ninh trật tự

Câu 12. Quần chúng nhân dân đông đảo là nền tảng, là chỗ dựa vững chắc để tổ chức xây dựng nền an ninh nhân dân là nội dung của:

A. Vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ tổ quốc

B. Ý nghĩa của quần chúng nhân dân trong bảo vệ tổ quốc

C. Đặc điểm của quần chúng nhân dân trong bảo vệ tổ quốc

D. Hiệu quả của quần chúng nhân dân trong bảo vệ tổ quốc

Câu 13. Trong phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, trước tiên phải:

A. Điều tra nghiên cứu tình hình

B. Xây dựng chương trình hoạt động

C. Tuyên truyền cho mọi người

D. Xác định cách thức thực hiện

Câu 14: “Ngày Hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”?

A. Ngày 19/8

B. Ngày 08/9

C. Ngày 19/5

D. Ngày 23/9

Câu 15: “Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự” là một trong những nội dung của:

A. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

B. Nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

C. Nhiệm vụ của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

D. Biện pháp của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Câu 16. Đội Cờ đỏ là tổ chức quần chúng nòng cốt làm nhiệm vụ an ninh trật tự trong nhà trường là một tổ chức quần chúng có chức năng:

A. Thực hành

B. Tư vấn

C. Quản lý

D. Điều hành

Câu 17. Một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

A. Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh

B. Tuyên truyền giáo dục và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự

C. Xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai tuyên truyền, giáo dục cho toàn dân tự giác tham gia phong trào

D. Tuyên truyền giáo dục và hướng dẫn nhân dân xây dựng đời sống văn hóa tại khu dân cư

Câu 18: Trong xây dựng các tổ chức, lực lượng quần chúng nòng cốt làm hạt nhân để xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Hội đồng an ninh trật tự cơ sở là tổ chức:

A. Có chức năng tư vấn

B. Có nhiệm vụ giám sát

C. Có chức năng kiểm tra

D. Có trách nhiệm theo dõi

Câu 19: Để huy động được sức mạnh của toàn dân tham gia nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong quá trình xây dựng phong trào, cần phải có sự phối, kết hợp chặt chẽ giữa:

A. Các lực lượng, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương

B. Các bộ, các ngành, các tổ chức quần chúng và công an xã, phường

C. Công an với quân đội, các tổ chức quần chúng nhân dân trên địa bàn

D. Các tầng lớp nhân dân, các lực lượng vũ trang và bán vũ trang

Câu 20: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn liền với các cuộc vận động khác của Đảng và Nhà nước, gắn liền với việc:

A. Thực hiện các chính sách ở địa phương

B. Thực hiện công bằng ở địa phương

C. B. Xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp

D. D. Xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh

BÀI 13 (45 Câu)

Câu 1. Bảo vệ an ninh quốc gia là:

- A. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia
- B. Bảo vệ các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh với mọi âm mưu thủ đoạn phá hoại của kẻ thù
- C. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm bí mật quốc gia, các công trình của Nhà nước và các mục tiêu quan trọng về quốc phòng, an ninh
- D. Bảo vệ các công trình, cơ sở chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế khoa học công nghệ của Nhà nước.

Câu 2. Lĩnh vực được xác định là cốt lõi, xuyên suốt nhất trong bảo vệ an ninh quốc gia là:

- A. An ninh chính trị
- B. An ninh kinh tế
- C. An ninh xã hội
- D. An ninh quốc phòng

Câu 3. Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh trên biển của nước ta hiện nay là:

- A. Cảnh sát biển
- B. Bộ đội Biên phòng
- C. Công an nhân dân
- D. An ninh quân đội

Câu 4. “Bảo vệ môi trường” là một trong những nội dung của công tác:

- A. Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
- B. Giữ gìn nguồn nước sinh hoạt
- C. Giữ gìn an toàn các khu công nghiệp
- D. Giữ gìn vệ sinh, an toàn lao động

Câu 5. Để bảo đảm thắng lợi hoàn toàn và triệt để trong cuộc đấu tranh bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, lực lượng công an phải:

- A. Kết hợp phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với công tác nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn
- B. Kết hợp sức mạnh của quần chúng với công tác nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc công an nhân dân
- C. Kết hợp tai, mắt của quần chúng nhân dân với công tác nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn công an nhân dân
- D. Kết hợp tính tự giác cách mạng của quần chúng với công tác nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn

Câu 6. Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đã chỉ rõ là phải kết hợp chặt chẽ:

- A. Nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc
- B. Công tác phòng ngừa với điều tra xử lý tội phạm
- C. Công tác giáo dục tuyên truyền với xử lý nghiêm minh
- D. Công tác trật tự xã hội với công tác quốc phòng toàn dân

Câu 7. Mối quan hệ giữa bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là:

- A. TTATXH được giữ vững sẽ tạo điều kiện cho an ninh quốc gia càng được củng cố vững chắc
- B. ANQG gia hoạt động độc lập, không có liên quan đến công tác giữ gìn TTATXH
- C. ANQG gia quyết định trực tiếp và lâu dài đến công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội
- D. TTATXH chi phối trực tiếp cả trước mắt và lâu dài đến công tác bảo vệ an ninh quốc gia

Câu 8. Nội dung thể hiện quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự,

an toàn xã hội là:

- A. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân
- B. Phát huy vai trò giám sát của các tổ chức Đảng
- C. Tăng cường công tác tuyên truyền của các tổ chức xã hội
- D. Tăng cường vai trò hoạt động giám sát của Nhà nước

Câu 9. “Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội” là một trong những nội dung của:

- A. Quan điểm bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
- B. Giải pháp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
- C. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
- D. Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Câu 10. Cơ quan bảo vệ pháp luật ở nước ta hiện nay là:

- A. Công an, viện kiểm sát, tòa án
- B. Công an, quân đội, tòa án quân sự
- C. Cảnh sát điều tra, cảnh sát biển, viện kiểm sát
- D. Cảnh sát phòng chống tội phạm, viện kiểm sát

Câu 11. Lực lượng có chức năng làm tham mưu cho Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là:

- A. Công an nhân dân
- B. An ninh nhân dân
- C. Quân chủng nhân dân
- D. Cảnh sát nhân dân

Câu 12. Bảo vệ an ninh kinh tế là:

- A. Bảo vệ sự ổn định và phát triển của nền kinh tế
- B. Duy trì ổn định kinh tế thị trường XHCN
- C. Bảo vệ lợi ích kinh tế của quốc gia
- D. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Câu 13. Hành vi doanh nghiệp xả thải trực tiếp ra môi trường là vi phạm:

- A. Bảo vệ môi trường
- B. Trật tự công cộng
- B. An ninh công cộng
- D. Môi trường xã hội

Câu 14. Trạng thái xã hội bình yên, trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lý xác định, là nội dung của:

- A. Trật tự an toàn xã hội
- B. Trật tự an ninh xã hội
- C. Trật tự an toàn quốc gia
- D. Trật tự an ninh quốc gia

Câu 15. Một trong những nội dung giữ gìn trật tự an toàn xã hội là:

- A. Giữ gìn trật tự công cộng
- B. Bảo đảm trật tự công cộng
- C. Bảo đảm an toàn lao động
- D. Giữ gìn an toàn vệ sinh thực phẩm

Câu 16. Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là phải tăng cường:

- A. Hiệu lực quản lý của Nhà nước

- B. Hiệu quả quản lý của các tổ chức
- C. Kiểm tra, xử phạt của lực lượng công an
- D. Hiệu lực quản lý của toàn xã hội

Câu 17. “Đảng lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội” là một trong những nội dung thể hiện:

- A. Quan điểm bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
- B. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
- C. Tính chất bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
- D. Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Câu 18. “Bảo vệ sự ổn định, phát triển vững mạnh của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng XHCN” là một nội dung của:

- A. Bảo vệ an ninh kinh tế
- B. Bảo vệ an toàn nền kinh tế
- C. Bảo vệ an ninh trật tự xã hội
- D. Bảo vệ an ninh xã hội

Câu 19. “Phòng ngừa tai nạn lao động, phòng chống thiên tai, dịch bệnh” là một trong những nội dung của:

- A. Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
- B. Bảo vệ an ninh quốc gia
- C. Giữ gìn tính mạng, tài sản nhân dân
- D. Giữ vững an ninh Tổ quốc

Câu 20. Nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là lực lượng:

- A. Công an nhân dân
- B. Bộ đội biên phòng
- C. Dân quân tự vệ
- D. Cảnh sát an ninh

Câu 21. “Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội” là một trong những nội dung thể hiện:

- A. Quan điểm bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
- B. Tính chất bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
- C. Yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
- D. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Câu 22. “Bảo đảm ngân sách và cơ sở vật chất cho các hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội” là một trong những công việc thuộc vai trò quản lý của:

- A. Nhà nước
- B. Địa phương
- C. Công an
- D. Quốc hội

Câu 23. Nòng cốt trong bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, lực lượng công an là:

A. Chỗ dựa trực tiếp và thường xuyên cho các ngành, các cấp và quần chúng trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

B. Trung tâm và thường xuyên cho các ngành, các cấp và quần chúng trong bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội

C. Đòn bẩy và trụ cột cho toàn xã hội trong bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

D. Điều kiện và chỗ dựa chủ yếu cho các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Câu 24. Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là:

- A. Bảo vệ an ninh trên các lĩnh vực tư tưởng – văn hóa, an ninh kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia
- B. Phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của các lực lượng phản động xâm hại an ninh quốc gia
- C. Phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động phá hoại tài sản quốc gia và trật tự an toàn xã hội
- D. Bảo vệ an toàn các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, các lực lượng vũ trang, đoàn thể cách mạng và nhân dân.

Câu 25. “Bảo vệ bí mật Nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia” là một trong những nội dung của:

- A. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia
- B. Nội dung của bảo vệ an ninh quốc gia
- C. Giải pháp bảo vệ an ninh quốc gia
- D. Yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia

Câu 26. Vai trò lãnh đạo của Đảng ta về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là:

- A. Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt
- B. Đảng đề ra đường lối và giao cho Nhà nước thực hiện
- C. Đảng trực tiếp chỉ đạo Nhà nước và toàn xã hội thực hiện
- D. Đảng xác định đường lối, chính sách và chỉ đạo cả nước thực hiện

Câu 27. “Giữ gìn trật tự, yên tĩnh chung, giữ gìn vệ sinh chung, duy trì nếp sống văn minh, tôn trọng lẫn nhau” là thể hiện nội dung của:

- A. Giữ gìn trật tự nơi công cộng
- B. Giữ gìn môi trường công cộng
- C. Bảo đảm trật tự xã hội
- D. Bảo đảm trật tự nơi công cộng

Câu 28. Bảo vệ an ninh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại là bảo vệ:

- A. Sức mạnh của lực lượng vũ trang và hoạt động quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước
- B. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới, an ninh trật tự và các quan hệ ngoại giao của đất nước
- C. Bí mật quân sự, an ninh trật tự và các hoạt động quốc tế của Đảng và Nhà nước ta
- D. Lợi ích quốc phòng, an ninh, phòng chống tội phạm và các cơ quan, tổ chức đối ngoại

Câu 29. “Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc” là một trong những nội dung của:

- A. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia
- B. Nhiệm vụ bảo vệ an toàn quốc gia
- C. Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia
- D. Giải pháp bảo vệ an ninh quốc gia

Câu 31. Một trong những nội dung giữ gìn trật tự an toàn xã hội là:

- A. Phòng chống tệ nạn xã hội
- B. Bài trừ mê tín dị đoan
- C. Bài trừ tệ nạn cờ bạc
- D. Phòng chống mại dâm

Câu 32. Sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là sự nghiệp cách mạng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là thể hiện:

- A. Tính quần chúng
- B. Tính dân tộc

C. Tính chính trị

D. Tính xã hội

Câu 33. Hành vi sinh viên xả rác trong phòng học là vi phạm về:

A. Giữ gìn trật tự nơi công cộng

B. Bảo vệ môi trường

C. Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

D. Bảo vệ trật tự, an ninh

Câu 34. Những người có hành vi phạm tội gây thiệt hại đến tài sản, đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, phẩm giá con người, hành vi vi phạm trật tự an toàn xã hội, nhưng không có mục đích chống lại Nhà nước là:

A. Đối tượng xâm phạm về trật tự an toàn xã hội

B. Đối tượng xâm phạm an ninh, lợi ích quốc gia

C. Đối tượng xâm phạm an ninh, lợi ích xã hội

C. Đối tượng xâm phạm trật tự xã hội, quốc gia

Câu 35. Bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa, trước tiên là phải bảo vệ::

A. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

B. Đường lối chính sách của Đảng và nền văn hóa

C. Tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị văn hóa dân tộc

D. Sự ổn định chính trị, tư tưởng và nền văn hóa dân tộc

Câu 36. “Bảo vệ việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước” là nội dung của:

A. Bảo vệ an ninh chính trị

B. Bảo vệ an ninh tư tưởng

C. Bảo vệ an ninh văn hóa

D. Bảo vệ an ninh kinh tế

Câu 37. Một trong những nội dung thuộc vai trò quản lý của Nhà nước trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là thường xuyên:

A. Quan tâm xây dựng các cơ quan chuyên trách

B. Củng cố kiện toàn các tổ chức quần chúng

C. Xây dựng củng cố các tổ chức an ninh trật tự cơ sở

D. Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục ở cơ sở

Câu 38. Đối tượng xâm phạm trật tự an toàn xã hội khác biệt cơ bản với đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia là:

A. Không có mục đích chống lại Đảng, Nhà nước

B. Chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội

C. Hoạt động thành băng nhóm có tổ chức

D. Phạm tội về an ninh quốc gia, trật tự xã hội

Câu 39. Một trong những nội dung thể hiện quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là:

A. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội

B. Đảng lãnh đạo trực tiếp, toàn diện thông qua Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội

C. Phát huy hiệu lực của các tổ chức quần chúng và sức mạnh tổng hợp của cả nước để bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

D. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 40. Một bộ phận quan trọng trong chiến lược an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội là:

- A. Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm
- B. Chương trình toàn dân phòng chống tội phạm
- C. Chương trình quốc gia bảo vệ an ninh
- D. Chương trình quốc gia trật tự, an toàn xã hội

Câu 41. Trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, sinh viên phải có trách nhiệm:

- A. Tham gia xây dựng nếp sống văn minh trật tự trong nhà trường và nơi cư trú
- B. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và trách nhiệm của mọi công dân
- C. Chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia
- D. Phối hợp với các lực lượng, tích cực, chủ động, kiên quyết, liên tục tiến công tội phạm

Câu 42. Đối tượng xâm phạm đến an ninh quốc gia trong tình hình hiện nay là:

- A. Bọn gián điệp, bọn phản động
- B. Bọn tội phạm kinh tế, hình sự
- C. Bọn xâm phạm trật tự an toàn xã hội
- D. Bọn cơ hội, tham nhũng

Câu 43. Nội dung bảo vệ an ninh lãnh thổ là:

- A. Bảo đảm an ninh chính trị, TTATXH khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số
- B. Bảo vệ nội bộ, đội ngũ cán bộ trong các cơ quan kinh tế
- C. Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá hoạt động kinh tế của các thế lực thù địch.
- D. Bảo vệ các địa bàn trọng yếu, khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Câu 44. Vấn đề cốt lõi của bảo vệ an ninh tư tưởng là:

- A. Bảo vệ chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh
- B. Bảo vệ sự ổn định chính trị, sự vững mạnh của chế độ
- C. Bảo vệ đường lối chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước
- D. Bảo vệ nhà nước, lòng tin của quần chúng nhân dân

Câu 45. “Tăng cường quản lý Nhà nước về trật tự an toàn xã hội, ngăn ngừa và làm giảm tai nạn, tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự kỷ cương”, là nội dung của:

- A. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
- B. Quan điểm bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
- C. Tính chất bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
- D. Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
